

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 171

NIỆM PHẬT TAM MUỘI BẢO VƯƠNG LUẬN

SỐ 1967
(QUYỂN THƯỢNG - TRUNG & HẠ)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

www.daitangkinh.org

SỐ 1967

NIỆM Phật TAM-MUỘI BẢO VƯƠNG LUẬN

LỜI TỰA

Có vị khách đến viếng thiền cốc của tôi, trước lễ phép chào, sau dùng lời rất thanh nhã hỏi tôi rằng: “Đối với người tu muốn đường tắt để thành Phật, thì hạnh Thường Bất Khinh của Pháp Hoa Tam-muội và pháp môn Ban châu của niệm Phật Tam-muội đều là vô thượng thâm diệu thiên, nay tôi rất muốn nghe ngài giảng rõ các việc này.”

Đáp: Tôi từ lâu nay đã mặc tu ở núi Cửu Phong, đối với mọi việc thế sự bên ngoài đều không lưu tâm, sách vở cũng không đọc đến. Từ khi ở các chùa núi Tử các, Linh điền, Thiên phước, Pháp hoa, Thắng tràng đến nay đã ba mươi năm, nhiều lần may mắn có các vị hữu danh đến thăm, nhưng xưa nay không nghe ai hỏi như ông. Nay ông muốn bước đến bến rộng vô sinh, muốn tung cánh chim bằng vượt bể Nam, thật chí khí cao lớn. Tôi tự thẹn mình chưa được sáng suốt, nhưng cũng xin thử luận bàn, nay lược chia hai mươi điều để giải thích cho rõ điều này.

SỐ 1967

NIỆM PHẬT TAM-MUỘI BẢO VƯƠNG LUẬN*Đời Đường, chùa Thảo đường, núi Tử các.**Sa-môn Phi Tích soạn.***QUYỂN THƯỢNG****1. NIỆM PHẬT VỊ LAI MAU THÀNH TAM-MUỘI**

Xét tâm nhị nguyên, nó hay sinh ra cái mê vọng. Các mê vọng mặc dầu là hư huyền nhưng lại hay ngăn che. Một khi chỗ ngăn che này chưa dứt, thì các Hiền Thánh lại sinh buồn phiền.

Vốn đầy đủ các âm vận nhưng không thể nói, pháp thân tuy rộng rang mà đủ các tướng, chỉ vì các tướng không hiển bày nên tạm gọi là không có tướng vậy.

Chỗ yếu chỉ của Nhất thừa là dứt bậc con đường của sự nói năng. Như thế thì làm sao biết được chỗ về của nó. Cái tông thú của Tam-muội là quét sạch mọi tri kiến qua việc nói năng, đâu có phải chỉ là Duy-ma im lặng, Văn-thù khen ngợi mà thôi.

Vì sao? Lưới Đế Thích một khi chưa giăng, làm sao có thể thấy được ngàn châu anh lạc. Một khi lưới đã giăng rồi, vạn mắt lưới đều mở trang. Tắm được biển lớn tức là tắm được nước trăm sông, niệm danh hiệu Phật nhất định thành Phật Tam-muội. Chỉ cần một lời nói thời có thể ngăn dứt tất cả, ý tại chỗ này. Ví như gieo ngọc Ma ni vào trong nước đục, nước đục nhất định thành trong. Niệm Phật gieo vào loạn tâm, loạn tâm quyết định thành tâm Phật.

Khi tâm và Phật đã khế hợp với nhau rồi, thì tâm và Phật đều biến mất. Cả hai tâm và Phật đều mất rồi đó là Định vậy. Cả hai cùng chiếu đó là Tuệ vậy. Cảnh giới này tức là Định và Tuệ đồng nhau thì tâm nào mà chẳng là Phật, Phật nào mà chẳng là tâm. Tâm và Phật mỗi khi mà như vậy rồi, thì vạn cảnh vạn duyên, không chỗ nào là không phải Tam-muội.

Con người ở đời, phần nhiều chỉ ưa niệm tướng mặt như trăng tròn

của đức Thích ca quá khứ, tướng mắt biếc như nước biển của Đức Di-đà hiện tại, tướng như nhổ hần mũi tên độc ra khỏi thân, như được vào cung điện thọ hưởng khoái lạc. Ta cũng xem đó là chỗ rốt ráo của giáo lý. Nhưng chưa nghe ai nói niệm tướng sáng rõ như các mặt trời tụ lại của chư Phật vị lai như thế nào? Bởi vì không thấu rõ đức Như Lai đối với tâm thô của chúng sinh đã nói ra những điều vi diệu của chư Phật, liền ngăn cách chúng sinh ra ngoài chư Phật. Cho nên, xưa nay chưa từng nghe ai nói về tướng Phật vị lai và không có một ai niệm tướng.

Trong kinh Tịnh Danh nói: “Có người gửi hương chiêm bặc, không gửi hương nào khác, và có người hoa có dính vào thân, có người hoa không dính vào thân.” Đây là đề cao lý Đại thừa. Hạ Tiểu thừa xuống thì bày chỗ ô nhiễm mà chẳng biết gì. Đưa Đại thừa lên là đồng đến lý bất nhị. Kinh Pháp hoa là kinh quyết định rõ pháp Thanh văn. Là vua trong tất cả các kinh. Ý chỉ của tất cả mùi hương chiêm bặc và hoa không dính trên thân rõ ràng là vậy.

Do vì chưa phải là bậc chứng đạo, nên xưng chư Phật là bậc chí tôn, chúng sinh là kẻ chí tiện, mà khi còn ý cao thấp sinh ra, thì các mê vọng có duyên sinh khởi. Tâm niệm cung kính hay kiêu ngạo mỗi khi khởi lên, thì tánh chân như nhất vị sẽ ẩn mất. Xét như thế thì coi vạn vật tầm thường như cỏ rác, xem thiên hạ nhỏ nhoi không ra gì, khinh mạn lễ nghi, ngênh ngang với người trưởng thượng, tâm và mắt mặt tình thả theo cảnh vật, chẳng chịu khuất mình. Đó là điều trái ngược với kinh Duy-ma: “Tất cả cái thấy, tất cả cái cung kính đều là món cúng dường tối thắng trong các món cúng dường.” Lại không tin kinh Lăng Già nói: “Như Lai tạng tự tánh thanh tịnh, chuyển ba mươi hai hảo tướng vào trong tâm của tất cả chúng sinh, ví như châu bảo vô giá buộc vào áo quần.” Há đâu thấy được người ăn xin hèn hạ nhất trong thành bình đẳng, không khác nhau với đức Nan Thắng Như Lai.

Nếu niệm đủ tam thể chư Phật, quán khắp các đức Thế Tôn mười phương, thì phù hợp với lý thú của Bát-nhã. Hết thấy hữu tình đều là Như Lai tạng, tự thể của Bồ-tát Phổ Hiền biến khắp. Trong tất cả các tướng, kể bản nữ mà mang thai giống chúa, hạt gạo có ngay trong vỏ trấu, như gương trong có thể nhìn thấy, thì há còn phải lo gì vướng tàm điều kiêu mạn đáng trách đó ư?

Người đời phần nhiều khinh thường Phật vị lai, mà không dám khinh thường thân sắc vàng của chư Phật quá khứ và hiện tại. Thật ra, đó là không biết nguồn gốc phát khởi ra các tội lỗi, đều từ Phật vị lai mà không từ Phật hiện tại. Nếu không có chúng sinh thì làm sao có Phật vị

lai. Chúng ta cần biết, sở dĩ mẹ được quý trọng là nhờ con, gạo đất là do vỏ. Nếu ai mà tâm mình hợp với tâm của Bồ-tát Thường Bất Khinh trong kinh Pháp Hoa, thì niệm Phật Tam-muội, quyết định sớm muộn gì cũng chắc chắn thành tựu.

Hỏi: Pháp hoa là Pháp, niệm Phật là Phật. Tại sao nay lại lấy Pháp làm Phật, lấy Phật làm Pháp, đây không phải là chỗ lẫn lộn lớn đó sao?

Đáp: Lý này không có sự lẫn lộn, bởi cội nguồn của Phật và Pháp chỉ là một thì làm sao có sự lẫn lộn được. Ví như loại thuốc chi mộc, nó là loại thuốc của tiên. Trước đây lúc còn ở trên trời, thì nó không gọi là thuốc “Tiên” Nhưng vì con người khi uống thuốc này, thì mọc cánh mà bay trên mây, cho nên thuốc này mới được gọi là thuốc tiên và người bay được gọi là tiên. Người và thuốc vốn hoàn toàn khác nhau, nhưng đồng được gọi tên “Tiên”. Giả sử không có Thánh nhân, thì ai là người có thể vui với đạo. Pháp nếu không do chư Phật ngộ, há đâu nó thể tự ngộ, niệm Phật Tam-muội làm sao có thể sánh được. Phật nếu không có Pháp thì không thể tự hiển bày, Pháp hoa Tam-muội làm sao phát khởi được? Chỉ một loại tiên mà hai thứ người và thuốc đều được tên tiên. Niệm Phật và Pháp hoa đồng là trí tuệ của Phật. Phật Tuệ mỗi khi đã đồng, thì pháp môn thiên vô thượng thâm diệu, nghĩa là Thường Bất Khinh và Ban châu Tam-muội ngay đây được chứng ngộ, chưa từng có dị biệt, điều đó có gì đâu mà nói là lẫn lộn được.

2. NGƯỜI NỮ KẺ TRỘM ĐỀU KHÔNG NÊN KHINH THƯỜNG:

Tất cả chúng sinh đều là chư Phật vị lai. Người nữ và kẻ trộm đều là những người ác, làm sao họ có thể niệm Phật cung kính được?

Đáp: Như Đức Phật đã từng dạy, con người ở thế gian có hai là Đối đãi môn và Trạch liễu môn. Nói Đối đãi môn thì nữ nhân là kẻ hư ngụy còn Như Lai là bậc chí chân. Nghĩa là Phật là đáng đáng tôn sùng còn nữ nhân thì nên xa lánh. Để xa lánh nữ nhân, trong đạo Phật có hai cách, đó là quở trách sự ham muốn và khởi tâm quan sát.

Thế nào là quở trách sự ham muốn? Như trong kinh Bồ-tát ha sắc dục có nói: “Nữ sắc là gông cùm của thế gian, kẻ phàm phu đắm trước, không thoát ra được. Nữ sắc là bệnh nặng của thế gian, kẻ phàm phu bị hành hạ đến chết mới thôi. Nữ sắc là tai họa của thế gian, kẻ phàm phu gặp phải, không tai họa nào mà không có. Người tu nào đã trừ bỏ được nữ sắc, lại còn nghĩ tưởng đây là từ trong ngục tù đã thoát ra, lại muốn trở vào, hết cuồng mê, lại muốn điên nữa, đã hết bệnh rồi, lại cầu bệnh

nữ. Kẻ trí sinh tâm xót thương, thấy họ do cuồng si điên đảo nên chết mà không được sáng suốt.”

Phàm phu say đắm nữ sắc, cam làm nô bộc, suốt đời hầu hạ, vì họ mà chịu lăm nổi khổ cực. Tuy ở trong vòng sắt ngàn dao, gông gũ mũi dùi tên nhọn, vẫn không cho đó là khổ. Kẻ đã cuồng say thì ưa thích các việc điên đảo, không bao giờ cho đó là lỗi lầm.

Hành giả nếu có thể xa lìa nữ sắc, không còn lưu tâm nữa, đó là phá được gông xiềng, thoát cuồng si, chán bệnh tật, lìa khỏi tai họa, tức được an ổn khoái lạc, thoát khỏi ngục tù, vĩnh viễn không bao giờ còn chịu hoạn nạn.

Luận về người nữ, lời nói của họ ngọt như mật, nhưng tâm của họ lại như thuốc độc. Ví như dòng suối tuy lặng trong nhưng có giao long ẩn trú, hang báu có núi vàng nhưng có sư tử nấp ở. Người tu phải rõ cái họa nữ sắc, không nên thân cận. Trên thế gian này, sở dĩ gia đình bất hòa, là do người nữ, hủy hoại tôn tộc cũng chính người nữ. Người nữ đúng là giặc ngầm, hoại diệt trí tuệ sáng suốt của con người, cũng như thợ săn giăng lưới, không thú nào có thể thoát được, cũng như lưới bủa trên cao, tất cả bầy chim đều lọt vào, không thể bay ra. Lại như lưới thả xuống sông, cá đã rơi vào tất sẽ nằm trên thớt, cũng như hầm lửa, kẻ mù lọt vào tất rước họa thiêu thân.

Cho nên kẻ trí biết được tai họa như thế, thì nên lánh xa nữ sắc, không để bị hại, cần sinh tâm chán lìa và nhờn gớm, không để nữ sắc làm mê hoặc. Trong kinh Đại Bảo Tích, Đức Phật vì vua Ưu-bà-diên mà nói bài kệ sau:

*Là núi đao gai nhọn
Tên độc và các khổ
Nữ nhân là chỗ tụ
Của nhiều thứ khổ đau
Nhờ có các hương hoa
Mà trang điểm đẹp đẽ
Người ngu do nơi đây
Mà vọng khởi tham cầu
Như chìm giữa biển cả
Mê theo bờ bên kia
Chết rồi tất đọa lạc
Vào địa ngục A-tỳ
Hiện đời thấy các khổ
Đều theo thân đến mãi*

*Bị bạn lành xa lánh
 Mất hẳn nẻo về trời
 Thà vào trong ngục sắt
 Chạy nhảy trên núi đao
 Nằm trên giường lửa ngủ
 Chớ có gần nữ sắc.
 Như chim tìm thức ăn
 Không biết tránh xa lưới
 Tham đắm nơi nữ sắc
 Cũng bị hại như vậy.
 Ví như cá trong nước,
 Rơi vào vòng lưới giăng
 Liền bị người khác bắt
 Há không bị tổn thương.
 Nữ nhân là kẻ chài
 Lừa dối giống như lưới.
 Người nam giống như cá
 Bị lưới cũng như vậy.*

Thế nào là khởi tâm quan sát? Như kinh Đại Bảo Tích nói: “Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bảo Thiên tử Thiện Trụ rằng: Nếu người nào nhất tâm, tinh chuyên tu tập, thì khi tham dục phát sinh, cần nên rõ biết, rồi sử dụng phương pháp phá trừ, để tâm trở lại thanh tịnh. Phá trừ như thế nào?”

Bằng cách suy nghĩ như thế này: “Tham dục này là không, là bất tịnh, tâm tham dục này sinh ra và diệt đi, nó không từ đâu đến và không đi về đâu. Trong tâm đó thử hỏi có ai nhiễm, ai được nhiễm và ai là pháp nhiễm. Khi quan sát như thế, tức không thấy pháp nhiễm, không thấy sở nhiễm và không thấy sự nhiễm. Do bởi không thấy nên không có nắm bắt, không có xả trừ. Do bởi không có xả trừ nên không có ái nhiễm. Không có xả trừ, không có ái nhiễm, đó gọi là ly dục tịch tĩnh Niết-bàn. Người đã quan sát được như thế, nếu như có phóng tâm vào trần lao sinh tử, cũng không bị các phiền não nguy hiểm tham, sân, si quấy phá. Đây gọi là khởi tâm quan sát.” Trên đây là giải thích về Đối đãi môn.

Còn Quyết (Trạch) liễu môn, là xét cứu cánh xa lìa các vọng tưởng, không còn ô nhiễm như hư không. Đó chính là chư Phật quá khứ, chư Phật hiện tại, chứ chẳng phải là chư Phật vị lai. Ông há chẳng nghe: “Muốn được ngọc vô giá phải lặn xuống biển sâu, muốn tìm được trí tuệ

báu phải tìm trong phiền não. Tướng ngũ nghịch là tướng giải thoát, cõi ma như tức là cõi Phật như.” Nếu nghe tiếng nói của Phật mà vui, nghe âm thanh Ma mà nổi giận, thì không thể nhập vào pháp môn âm thanh, chẳng trụ nơi ranh giới thật của âm thanh chẳng thấu triệt được lý tánh các pháp. Đó là kẻ “quay ngược xe mà muốn tiến lên”. Người đã như thế thì làm sao cùng họ luận đạo được.

Để nói cho ông rõ, như kinh có đoạn: “Xưa có vị tiên nhân tên Lộc Đề, nhân vì trời mưa đường xá trơn trượt, ông đi hay bị vấp ngã, tức giận ông dùng thần chú của chư Tiên làm trời hạn hán. Mọi người trong nước ai cũng lo lắng. Nhà vua bèn sai một cô gái đẹp đến dụ dỗ ông. Khi dụ được, cô gái cưỡi cổ ông mà đi vào thành. Lúc đó mây ùn bốn phương kéo đến, mưa tuôn xối xả ngập tràn. Vị tiên này tuy có thần thông chế ngự được gió mạnh, nhưng không chế ngự được sắc dục. Tiên nhân đó chính là tiền thân của Đức Phật Thích-ca, nữ nhân kia là tiền thân của Gia-du-đà-la.”

Trên pháp hội Pháp hoa, Đức Phật đã thọ ký cho Gia-du-đà-la: “Tương lai sẽ thành Phật hiệu là Cự Túc Thiên Vạn Quang Tướng Như Lai.” Người niệm Phật mà chỉ thấy dung nhan cô gái, không thấy sắc vàng báu của Phật Quang tướng, đó là đánh mất tông chỉ Thường Bất Khinh. Người niệm Phật với tâm ô nhiễm như thế làm sao thành tựu niệm Phật Tam-muội.

Lại như tôn giả A-na-luật, tiền thân làm kẻ trộm. Một hôm vào chùa trộm châu báu nơi chánh điện, thấy đèn lụn gần tắt, Ngài bèn dùng que tre khêu tim cho ánh sáng đừng tắt. A-na-luật phiên âm là Không tắt. Do duyên lành này mà tương lai ngài sẽ thành Phật, hiệu là Phổ Minh Như Lai.

Người niệm Phật còn không khinh kẻ ăn trộm, huống gì là khinh kẻ không ăn trộm (người nữ). Luôn thấy họ đều là hai vị Phật tương lai. Ví như mặt trời hừng sáng, thì lo gì Tam-muội chẳng thành.

3. THẤY NGƯỜI TRÌ GIỚI HAY PHÁ GIỚI NÊN SINH Y TƯỚNG ĐÓ LÀ Phật

Hỏi: Với trường hợp hai loại người: Phá giới và trì giới thật khó hiểu. Kinh Phạm Võng nói: “Người nào thọ Phật giới, tức vào địa vị chư Phật.” Những vị xuất gia giữ trọn giới cấm như trăng rằm, như đeo ngọc anh lạc, được dự vào một trong ba ngôi báu, thật là đáng quý. Còn đối với kẻ chẳng trì giới trang nghiêm, hành động điên đảo sa đọa, chúng ta coi thường lỗi lầm của họ sao? Bỏ qua tội nghiệp của họ ư? Mong được phân giải điều này?

Đáp: Đức Thế Tôn, ở trong kinh Tam-muội Hải, đã từng dạy đức vua Tịnh Phạn: “Xưa có bốn vị Tỳ-kheo phạm trọng giới, sinh tâm hổ thẹn, có ý buông xuôi, không chịu tu tập. Bỗng nghe giữa hư không có tiếng nói: “Các ông đã vi phạm trọng giới, nhưng cho rằng không thể sám hối là không đúng. Đức Không Vương Như Lai, mặc dầu đã nhập Niết-bàn, nhưng Thánh tượng của Ngài vẫn còn. Các ông nên vào tháp thờ Ngài. Một lòng quán tưởng tướng lông trắng giữa chạng mày của Ngài, thời tội lỗi sẽ tiêu diệt.” Bốn vị Tỳ-kheo nghe được, đối trước Thánh tượng Như Lai, rơi lệ mà tác bạch: “Tượng Phật Ngài có năng lực như thế, hướng là chân dung của Ngài”, rồi gieo xuống đánh lễ như núi lớn sụp đổ. Bốn vị Tỳ-kheo phạm trọng giới đó ngày nay đều thành Phật ở bốn phương. Vị thứ nhất thành Phật A-súc-bệ ở phương Đông, vị thứ hai thành Phật Bảo Tướng ở phương Nam, vị thứ ba thành Phật Vô Lượng thọ ở phương Tây, vị thứ tư thành Phật Vi Diệu Thanh ở phương Bắc. Do vậy, Phật gọi pháp Quán Phật Tam-muội này là Đại Bảo Vương Giới Phẩm Hải. Pháp quán này có thể tẩy trừ tội phá giới, đạt được sự thanh tịnh trong cõi trần lụy. Bốn vị Tỳ-kheo phá giới đó, chỉ có nhất tâm quán tưởng Phật tượng mà thành đấng Thế Hùng (Phật). Như thế, người niệm Phật há có thể sinh tâm coi thường các vị Tỳ-kheo phá giới hay sao?

Vì thế nên trong kinh Đại Tập có đoạn nói: “Nếu các vua quan đánh đập, chửi mắng các vị Tỳ-kheo trì giới hoặc phá giới, thì mắc tội đồng như làm cho trăm ức Đức Phật ra máu. Nếu thấy các vị Tỳ-kheo không luận là người trì giới hay phá giới, đều nên sinh ý tưởng các vị đó đều là chư Phật, tức đang tu pháp Niệm Phật Tam-muội.” Đây là lời nói xuất từ kim khẩu của Phật, thuyết minh về pháp môn Bất Khinh rất sâu sắc. Chúng ta đâu có thể đánh đập, chửi mắng các vị Tỳ-kheo phá giới mà không kết thành quả báo hay sao?

Kinh nói: “Thà để tâm theo ta, chớ đừng chạy theo tâm.” Người niệm Phật thấy tâm xan tham thì khởi tư tưởng bố thí, thấy người phá giới thì khởi tư tưởng trì giới. Người tu như thế thì không bị lục tặc trôi buộc, bởi vì cảnh giới lục tặc đã trở thành pháp môn Lục Ba-la-mật. Nếu ai còn trụ vào tâm phân biệt, tức đang tự lãnh lấy hình phạt nơi chốn âm ty. Như vậy chẳng đáng buồn hay sao? Nếu có thể chuyển đổi tâm thấy biết (khinh người phá giới) này thì Niệm Phật Tam-muội như dòng sông chảy vậy.

4. HIỆN DANG ĐẠO ĐỊA NGỤC VẪN ĐƯỢC THỌ KÝ

Hỏi: Nếu người phá giới quán tưởng Thánh tượng Phật mà thành

chánh giác, chúng ta không được sinh tâm khinh thường, điều này tôi có thể tin được. Nhưng hiện nay có các chúng sinh đang đọa địa ngục, ngạ quỷ. Đối với hạng người này tâm Bồ-đề rất khó phát, chưa có ngày đầu thai vào cõi thiện, mà lại bảo cung kính họ như người niệm Phật thanh tịnh, lý này làm sao thông được?

Đáp: Ông không nghe nói: “Muốn có thuốc quý phải vào núi sâu, chẳng thể tìm nơi vườn hoa mà có được. Muốn có được pháp an lạc phải tìm nơi hiểm nạn, chẳng thể tìm nơi pháp vô vi mà có” sao.

- *Trong kinh Thủ-lăng-nghiêm*, đức Phật có thuyết bốn loại thọ ký:

1. Chưa phát tâm thọ ký.
2. Sơ phát tâm thọ ký.
3. Ngầm thọ ký.
4. Hiện tiền thọ ký.

Nay những chúng sinh đang đọa trong địa ngục, ngạ quỷ là những người thuộc diện chưa phát tâm thọ ký. Những người này Đức Phật thọ ký cho họ tương lai sẽ phát tâm, gặp được Thiện tri thức, thực hành Bồ-tát đạo, cuối cùng sẽ thành Phật. Vì vậy, chúng ta không nên khinh thường họ.

Sau khi Đức Phật thuyết minh xong bốn loại thọ ký này, ngài Ca-diếp liền bạch Phật: “Bạch đức Thế Tôn! chúng con kể từ nay trở đi, đối với tất cả chúng sinh đều sinh tâm nghĩ tưởng như là Phật. Nếu sinh tâm khinh thường họ, tức là làm tổn hại bản thân mình.” Phật bảo: “Lành thay! Ông nói rất đúng, con người không ai đủ khả năng lượng xét chúng sinh, chỉ có đức Như Lai mới có thể lượng xét được chúng sinh. Do nguyên nhân như thế, ta căn dặn các vị Thanh văn, cùng với Bồ-tát, đối với tất cả chúng sinh đều khởi ý tưởng họ là Phật.” Cho nên trong kinh Hoa Nghiêm, phẩm Phổ Hiền hạnh nguyện, phần phá trừ trăm vạn cửa chướng cũng sử dụng tư tưởng này.

Lý như thế, thì những chúng sinh đang đọa trong Địa ngục, Ngạ quỷ được Phật thọ ký, cũng như kẻ nghèo hèn đang ở trong nhà đầy của báu chưa mở cửa, không ngăn ngại gì vật báu ở trong nhà, cũng như người trên trán có hạt châu vô giá, dù có đánh nhau làm nó lún vào trong da, nhưng hạt châu vô giá vẫn không mất.

Nếu ai không khởi ý nghĩ chúng sinh là vị Phật tương lai, thì hạng người đó xem lục trần như giặc cướp, giống như cảnh muốn ngăn quân ma mà tự đi phá thành lũy, như để quân thù địch sống chung một nhà, sẽ thường khởi sự oán thù. Giáp sắt chưa cởi thì trống trận còn vang, đâu

có thể an tâm nghỉ ngơi. Nếu làm cho kẻ chưa đầu hàng đến đầu hàng, người chưa khâm phục đến khâm phục, tất sẽ thống nhất được thiên hạ. Cờ một khi đã trương lên phát phới, tức mọi người ồ ạt noi theo, lúc đó ta mới có thể từ già yên ngựa mà về quê vui thú ruộng vườn. Mặt trời mọc ra đồng làm, mặt trời lặn thì nghỉ ngơi. Như thế, dù các bậc Thánh như Nghiêu Thuấn cũng không an ổn bằng ta được. Thấy trăm họ hằng ngày mà không biết một người. Lúc đó mới hiểu được chỗ giáo hóa của Phật quả là rộng lớn. Nếu ai có thể tỏ ngộ được âm thanh, sắc tướng là Phật, đối với chúng sinh khởi tướng như là các vị Phật tương lai, thì người đó làm sao còn cảnh tượng phạm tục nào có thể ở trước mặt nữa. Hoặc ai nghĩ được tự thân là đáng Bồn tôn (Phật) thì pháp môn Du-già chân ngôn diệu quán tự nhiên không cầu mà được.

Bởi do nghĩ tưởng lý bình đẳng mà có, chẳng phải là rỗng rang gì, thì sẽ thấy đại bàng và chim sẻ đồng đẳng như nhau, núi Thái Sơn và lông hồng không khác. Nghĩ được như thế, tức không còn tâm hạn hẹp về nòi giống, hết mọi lo toan về sắc trần huyễn cảnh.

Hỏi: Kẻ đang đọa trong địa ngục, chưa có thể phát tâm Bồ-đề, đức Pháp vương Như Lai, thương xót họ mà thọ ký với ngàn hào quang chiếu thân, mười hiệu tròn đầy, đã là lời Phật, thì ai dám không tin. Song hiện nay họ chưa tỏ ngộ, thì do đâu mà họ có thể tỏ ngộ?

Đáp: Nói những người trong địa ngục chưa ngộ, cũng đồng như nói: “Nước sông Trường Giang, chỉ đầy một chén.” Kẻ mê mờ vẫn còn đủ hai kiến (đoạn kiến và thường kiến). Nếu cho rằng: ngoài niệm lập vô niệm, ngoài sinh lập vô sinh, tức sinh tử khác với Niết-bàn, thì tất cả lời Phật không thể dạy dỗ được ai. Nếu người nào liễu tri được niệm chính là vô niệm, quán sinh chính là vô sinh, phiền não chẳng khác Bồ-đề, thì chính ngay đây ngộ được “Nhất tướng trang nghiêm” giống như bầy ong ở trên núi, trong tổ toàn là mật, như dưới giếng sâu lại có đầy châu báu. Đó đều là vốn có, chẳng phải xưa chưa có mà nay mới có.

Khởi tưởng ý niệm chúng sinh là chư Phật vị lai, thì mọi tội lỗi biết nương vào đâu mà phát sinh. Chúng ta trải tâm ra khắp mọi duyên, đều thấy toàn là Như Lai, thì mọi thứ tham, sân, si... từng sinh, ngay đó làm sao có được. Trong Kinh Như Lai Tạng, Đức Phật từng bảo Bồ-tát Kim Cang Tuệ: “Thiện nam tử! Ta dùng Phật nhãn quan sát tất cả chúng sinh, trong các phiền não tham lam, sân hận, si mê, ái dục, đều có Như Lai trí, Như Lai nhĩ, Như Lai thân, vững ngồi kiết già, nghiêm nhiên không động, đầy đủ đức tướng như ta không khác. Kế đó, Đức Phật bèn nói rộng ý nghĩa tất cả chúng sinh đều có Như Lai tạng, dùng chín thí

dụ để hiển bày. Trong luận Bảo Tánh có giải thích điều này và kết luận bằng bài kệ sau:

*Trong hoa héo ẩn tàng chư Phật
Giữa phân như cũng có vàng thật
Như trong đất hàm tàng trân bảo
Như trong quả vốn có mầm non
Ngay cây mục vẫn đủ ca-sa
Trong ràng buộc vốn đầy Phật tượng
Ở cô gái nghèo hèn xấu xí
Sẵn có hình Chuyển luân Thánh vương
Ngay trong chỗ than bùn đen cháy
Đều đủ đầy tượng báu Như Lai
Trong chúng sinh còn tham sân si
Dấy vọng tưởng đảo điên phiền não
Cùng mọi cảnh trần lao ô nhiễm
Đều vốn có đủ Như Lai tạng
Dưới nhãn đến A-tỳ địa ngục
Cũng đều có cả Như Lai thân
Các pháp chân như thuần thanh tịnh
Được gọi tên là thể Như Lai.*

Kệ tụng này đã chứng minh việc Phật thọ ký cho các chúng sinh đang đọa trong địa ngục, sẽ bừng lên trí tuệ giác ngộ, các môn Tam-muội sẽ tự nhiên thành tựu.

Hỏi: Người dụng công tu hành, luôn phải giữ tâm thanh tịnh, mọi sự phan duyên đều nên chấm dứt. Tại sao ở đây lại nói người tu cần khởi tâm quán sát khắp tất cả các duyên, chỗ của các duyên đều thấy là Như Lai. Lý này dạy như thế nào?

Đáp: Trong kinh điển Đại thừa có dạy, người tu khởi tâm quán sát khắp các duyên lục trần, tam nghiệp, nhưng vẫn phát đại nguyện vãng sinh về thế giới chư Phật, mỗi mỗi chỗ khởi duyên đều thấy Như Lai. Đây là cái thấy của bậc Thánh, chẳng phải là cái thấy của kẻ phàm phu. Vì vậy, kinh Niết-bàn nói: “Hàng Thanh văn tuy có thiên nhãn, nhưng vẫn gọi là nhục nhãn. Người tu Đại thừa, tuy là nhục nhãn song vẫn gọi là Phật nhãn. Vì sao? Vì họ thấu rõ được trong thân phàm phu này có chứa Phật tánh.” Lại như trong kinh Thắng Thiên Vương nói: “Đức Phật bảo Thiên Vương Bồ-tát Ma-ha-tát, dùng sức phương tiện, thực hành sáu pháp Ba-la-mật, đối với tất cả các pháp, tâm khởi duyên tự tại. Tâm duyên với sắc thì mong được thấy sắc thân vô sở đắc của chư Phật.

Tâm duyên với âm thanh, thì mong người được giới hương thanh tịnh của chư Phật. Tâm duyên với vị thì mong được thành tựu tướng đệ nhất đại tượng phu của chư Phật. Tâm duyên với xúc thì mong được bàn tay nhu nhuyễn của chư Phật. Tâm duyên với Pháp thì mong thành tựu được tâm tịch tịnh của chư Phật. tâm duyên đến thân mình thì mong được thân kim cang bất hoại của chư Phật. Tâm duyên đến khẩu mình, thì mong được thành tựu kim khẩu của chư Phật. Tâm duyên đến ý mình, thì mong được thành tựu ý bình đẳng của chư Phật.

Này Thiên vương, vị Bồ-tát Ma-ha-tát thực hành sáu pháp Ba-la-mật, thì không có một tâm, một hạnh nào trải qua một cách trống rỗng mà không hưởng về trí tuệ Bát-nhã. Tâm luôn duyên khắp các pháp nhưng không đắm trước các pháp. Quán khắp các pháp, nhưng không lúc nào mà chẳng hưởng về đạo Bồ-đề. Bồ-tát tu hành các hạnh, đều nhờ ngoại duyên mà được thành tựu.

Lại như đất khô nằm trên mặt nước, nếu đào giếng thì sẽ có được nước để sử dụng. Nếu không chịu đào giếng thì không do đâu mà có nước. Như vậy, cảnh giới của các bậc Thánh ẩn khắp tất cả các pháp. Nếu siêng năng tu tập phương tiện Bát-nhã thì liền chứng được. Còn nếu không tu tập, làm sao chứng được cảnh giới bậc Thánh. Do đó, lý tâm duyên các pháp, há không quan trọng lắm hay sao?

5. QUÁN KHÔNG, VÔ NGÃ CHỌN THIỆN MÀ THEO:

Hỏi: Như đã nói, động tức là tĩnh, tĩnh là chủ của động, phàm tức là Thánh, Thánh ẩn trong phàm. Nay tôi đã nghe được cái lý sâu xa này. Nhưng còn lý vô ngã của tam giáo (Nho, Đạo, Phật) lý này thì không khác gì với việc tu hành là chọn điều thiện mà theo. Nghĩa này như thế nào?

Đáp: Lý vô ngã của tam giáo, cũng không nói là khác, nhưng không thể cho là giống nhau. Bởi lý vô ngã trong Tứ thư của Khổng Tử, thì lấy nghĩa khiêm hạ làm vô ngã, còn theo Đạo giáo, cho sự phát triển không có chủ thể làm vô ngã, còn lý vô ngã của Phật giáo thì lấy tư tưởng “Ngũ uẩn giai không” làm vô ngã.

Hai nghĩa vô ngã của Nho và Đạo chủ trương thì không thấu tỏ tư tưởng Ngũ uẩn, chẳng rõ ràng như lý Tứ đế, Lục độ vạn hạnh như Phật giáo. Còn về cấp bậc Hiền Thánh, hai giáo (Nho, Đạo) đều không bàn đến, chỉ trong Phật giáo mới có nói. Bậc Hiền Thánh trong Phật giáo là bậc hòa quang đồng trần, luôn giữ lấy vẻ nhu hòa lại kiem ước, không đua tranh trong vòng danh lợi của thiên hạ. Ở trong cấp độ mỗi bậc Thánh của Phật giáo, xét theo phương diện động dụng đều có cạn sâu

khác nhau. Trên đây là giải thích sơ lược lý vô ngã của tam giáo.

Còn nói đến việc chọn thiện mà theo, là bàn đến lý của ba tánh (thiện, ác và vô ký). Lý này không phải tự bày ra mà sẵn có. Người tu hành cần phải chọn điều thiện mà theo. Do vì điều ác không hoàn toàn có lợi cho pháp chí chân, còn vô ký thì làm mất cả hai tánh thiện và ác. Nguyên nhân làm chướng loạn lý Phật, thì không ngoài hai tánh ác và vô ký này. Cho nên bậc Thánh nhân phải trừ bỏ hai điều ác và vô ký mà chẳng giữ. Vì vậy, kinh Niết-bàn nói: “Hạng Nhất xiển đề là hạng mà tâm không phan duyên với tất cả pháp thiện, cho đến không sinh một niệm thiện.” Thế nên biết, đối với pháp Niệm Phật Tam-muội, thì điều thiện là tối thượng, là hạnh đứng đầu trong muôn hạnh. Nên nói thiện là vua của Tam-muội vậy.

6. KHÔNG CÓ ĐIỀU THIỆN NÀO ĐỂ CHỌN, KHÔNG CÓ ĐIỀU ÁC NÀO ĐỂ BỎ:

Hỏi: Nếu tu hành là chọn điều thiện để theo, như thế đâu khác gì việc chọn điều thiện của chư Phật, xả bỏ các điều ác của chúng sinh, thì làm sao gọi là niệm các chư Phật vị lai đồng như niệm chư Phật quá khứ và hiện tại được?

Đáp: Ngay câu hỏi của ông nêu ra đã trở thành câu trả lời của ông rồi. Tại sao? Bởi vì câu nói chọn thiện mà theo chỉ là câu nói bất đắc dĩ mà thôi. Vì đối với kẻ trí lực còn kém, nghiệp chướng sâu dày, chưa có thể dứt điều ác làm điều thiện, chưa có thể dứt vọng niệm chướng chân như được. Cho nên, đối với hạng này phải chọn lựa điều thiện, xa lánh điều ác rõ ràng. Còn nói: “ Người nào có thể niệm được chư Phật vị lai và thực hành hạnh Bất khinh, đã thấy được trời đất như ngón tay không phân cách, thấy được vạn vật như ngựa độc nhất không sai biệt. Thấy được chúng sinh đều là Phật, quốc độ Sa-bà này thường thanh tịnh, hoàn toàn khác cách nhìn quốc độ này là cõi uế độ của Xá-lợi-phất, đồng với cái nhìn quốc độ này đầy trần bảo trang nghiêm của Phạm thiên, như thế là đạt đến chỗ rốt ráo không có điều thiện nào để chọn, không có điều ác nào để bỏ. Đây đồng với chỗ giải thích trong kinh Pháp Hoa của đại sư Trí Giả khi nói về diệu chỉ của tuyệt đãi, đã dẫn chứng rất rõ ràng:

Chúng sinh thấy kiếp tận, khi lửa lớn thiêu đốt; Chỗ ta đây yên vui, chư Thiên nhân đông nhiều, Vườn rừng các lâu đài, Mỗi mỗi báu trang nghiêm.

Lại trong kinh Thắng Thiên vương cũng có nói: “Cảnh giới của Phật ở, thật ra không phải là cảnh giới uế. Nhân vì chúng sinh nghiệp

nặng, phước kém mà thấy cảnh này là bất tịnh.” Đoạn trên cũng là chỉ ý này.

Tiếng Phạm “Nam-mô”, nhà Đường dịch là Quy Mạng. Tiếng Phạm là A-di-đà, nhà Đường dịch là Vô Lượng Thọ. Tất cả chư Phật trong ba đời, vì sao lại riêng kính một Đức Phật là Vô Lượng Thọ? Nay cùng niệm tam thế Di-đà, đồng sinh cõi Cực lạc ở mười phương như thế có điều gì là không được, mà lại bỏ lối nhanh, đi theo đường chậm. Tuy nhiên, chỉ như thế (niệm Di-đà) mới có thể thổi bùng được ngọn lửa Tam-muội đốt cháy, không một mảy may ong muỗi tri kiến còn sót lại, mới có thể gióng được tiếng chuông thập niệm ngân vang. Không lơ lửng gián đoạn, không tán loạn mà niệm Phật, niệm Di-đà thông tam thế đã được như thế, thì niệm chư Phật, Bồ-tát há không được như thế hay sao?

Hỏi: Niệm chư Phật vị lai bình đẳng như niệm chư Phật quá khứ và hiện tại, tôi muốn nghe giảng rõ lý này?

Đáp: Trong kinh Hoa Nghiêm nói: “Tất cả các đức Như Lai đều đồng một pháp thân, một thân, một trí tuệ, lực vô úy cũng như vậy.” Bài kệ trong kinh Lăng-già nói: “Này Ca-diếp, Câu-lưu-tôn và Câu-na-hàm là ta. Có bốn thứ bình đẳng mà ta là Đức Phật, ta sẽ vì ông mà nói rõ bốn thứ bình đẳng đó.

1. Tên bình đẳng, cả bốn vị đó đều có tên chung là Phật.

2. Âm thanh bình đẳng, bốn vị đó đều có chung tướng âm thanh Ca Lăng-tần-già.

3. Chứng pháp bình đẳng, bốn vị đó đều chứng pháp Bồ-đề phần vì trí vô chướng ngại.

4. Thân bình đẳng, bốn vị đó đều có chung pháp thân tướng âm thanh tốt đẹp không sai biệt.”

Luận Khởi Tín nói: “Do đường đi mà phương hướng chuyển, chứ thật ra phương hướng không chuyển.” Nói như thế, thì kẻ ngộ (hiểu được) chỉ cần nhận ra được một phương hướng, thì tất cả các hướng còn lại đều nhận biết, niệm một Đức Phật thì tất cả các Đức Phật đều hiện tiền.

Kinh nói: Nước không bay lên cao, trăng không hạ xuống thấp, do nguyên nhân trăng rực sáng trên bầu trời, chiếu xuống nước trong mà hiện hình. Đức Phật Di-đà vốn không đến, thân chúng sinh vốn không đi, do nhân duyên niệm Phật mà trăng báu Như Lai hiện rõ trong nước tâm thanh tịnh của chúng sinh, như bài kệ có nói:

Bồ-tát như trăng lành trong mát,

*Vận hành nơi cứu cánh hư không,
Nước tâm chúng sinh khi tịch tịnh,
Bóng Bồ-đề sẽ hiện vào trong.*

7. THỊT TẤT CẢ CHÚNG SANH ĐỀU KHÔNG ĐƯỢC ĂN:

Hỏi: Thịt chúng sinh là thức ăn của mọi người, tại sao người niệm Phật lại không được ăn?

Đáp: Ngày xưa vua Thi-tỳ vì cứu chim bồ câu mà tự leo lên cân để cân thịt mình. Bởi vì nhà vua nghĩ mình và chim tuy hình thù khác nhau, nhưng đều có chung một nỗi ham sống sợ chết, tại sao ta ăn thịt chúng sinh để nuôi dưỡng tấm thân hư hoại, rồi cứ vô tư không nghĩ đến nỗi đau đớn của con vật khi bị giết. Nếu hiểu được lý chúng sinh là chư Phật vị lai, thì còn ai dám làm cái việc săn mồi bẫy thú, để rồi tự lãnh lấy cái chết đau khổ như con chim phi ly bay vào lửa nóng. Cho nên, trong kinh Lăng-già, Bảo Tích phẩm Phật Ngũ Tâm, Phật có nói bài kệ:

*Vì lợi mà giết chúng sinh
Ham tài cố bắt muôn vật
Cả hai đều là nghiệp ác
Chết rồi sẽ đọa hoán ngục khiêu.*

Lời của Đức Phật đã nói về quả báo sát hại chúng sinh rõ ràng. Nếu ai không ham tiền bạc, thì cái việc bắt và giết chúng sinh chấm dứt.

Lại như Bồ-tát Long Thọ, ngài không bao giờ có tâm khinh thường con cá, con chim. Các bậc cao tăng chẳng bao giờ dám đạp trùng kiến. Nếu có ai hỏi lý do tại sao, các ngài đều trả lời: “Con vật cùng với chúng ta, hiện đồng ở trong sinh tử, nhưng trong tương lai, nó có thể thành Phật trước ta, làm sao ta có thể khinh thường nó được.” Đối với các con vật, đã chẳng dám khinh thường, thì làm sao chúng ta đang tâm lấy máu thịt của nó để mà ăn uống được.

Luận Bảo tánh nói: Trong kinh Như Lai tạng, Đức Phật từng bảo ngài Xá-lợi-phất rằng: “Chúng sinh là đệ nhất nghĩa đế, là Như Lai tạng, Pháp thân, là Bồ-đề...”

Chúng ta như là con chó, chỉ chạy theo hình bóng trước mắt, mà không biết nhắm thẳng vào con người, nên hình bóng đó không bao giờ đứng lại. Do vì chỉ niệm chư Phật quá khứ và hiện tại, mà không chịu niệm chư Phật vị lai nên tâm phiền não, tâm khinh mạn không bao giờ chấm dứt. Nếu được như con sư tử nhắm ngay vào con người, chứ không đuổi theo hình bóng thì ảo ảnh đó sẽ chấm dứt.

Song, nếu đổi kính cản trở thành khinh mạn, xem cha mẹ bằng kẻ

bình thường thì thành kẻ đại nghịch. Nếu cải đổi khinh mạn thành kính cẩn, xem kẻ bình thường bằng cha mẹ, thì thành kẻ đại hiếu. Cho nên, trong kinh Phạm Võng Bồ-tát giới có nói: “Tất cả chúng sinh trong lục đạo đều là cha mẹ của ta, hiếu gọi là giới.” Đoạn kinh trên nhằm chỉ đến việc này.

Người tu hành phải khởi tâm quan sát, tất cả chúng sinh trong lục đạo là chư Phật vị lai. Còn kinh (Phạm Võng) nói xem chúng sinh như cha mẹ là cách tạm nói gần mà thôi. Nếu ai cũng làm được hạnh phóng sinh, như Sa-di vượt loài kiến, thì mạng sống sẽ được kéo dài ra, có thể làm được như trưởng giả Lưu Thủy cứu loài cá, tất sẽ cảm được hoa trời rơi xuống như mưa. Bỏ được cái chấp “Chúng sinh từ vô thủy kiếp” mà chỉ niệm thân Thiện Thệ (Phật) tương lai, biết trong phân nhơ có chứa vàng ròng, tin trong đám mây mà có vầng trăng sáng, thì cái sương mù ăn thịt, cái khói bụi sinh tử sẽ bị ngọn gió trí tuệ trong bầu trời Tam-muội quét sạch. Kinh Phạm Võng nói: “Ta là Phật đã thành, các người là Phật sẽ thành.” Nếu ai có lòng tin như thế, giới phẩm sẽ đầy đủ. Sao chẳng khởi tư tưởng như thế.

Hỏi: Thịt chúng sinh, người niệm Phật không nên ăn, điều này có thể chấp nhận được. Nhưng ngũ tân tại sao không ăn được?

Đáp: Trong kinh Đại Phật Đảnh, Đức Phật có dạy điều này. Ngài bảo A-nan: “Năm thứ cay nồng, nếu ăn chín sẽ sinh lòng dâm dục, ăn sống sẽ sinh tâm sân hận. Con người thế gian nếu ăn ngũ tân, giả sử có tụng mười hai bộ kinh, cũng không có tác dụng. Các vị trời thần sinh tâm giận ghét, xa lánh người đó vì hôi uest. Các loài naga quỷ thấy người đó sẽ đến liếm môi mép, khiến người đó thường chung đụng với naga quỷ, phước đức ngày một giảm và sẽ chuốc lấy tai họa lớn. Người ăn ngũ tân, tu các Tam-muội thì chư vị Bồ-tát, chư thiên tiên, các vị thiện thần ở mười phương sẽ không đến bảo hộ. Bọn ma vương có nhiều thế lực, sẽ dùng mọi phương tiện để quấy phá người đó.

Phật lại bảo A-nan: “Người tu Bồ-đề cần phải vĩnh viễn đoạn trừ ngũ tân. Người tu hành như thế mới được gọi là người có tiến trình tự tăng tiến nhanh nhất.” Trên đây là lời nói xuất phát từ kim khẩu của Phật, chúng ta không thể không tin. Còn với rượu cũng như thế, cố nhiên không cần nói, chúng ta cũng phải biết.

Kinh Bách Dụ nói: “Thuở xưa có người nghèo khổ, trên đường đi gặp được túi vàng, tâm ông ta vô cùng mừng, đếm lui đếm tới. Khi ông đang đếm, bất ngờ, người chủ túi vàng đến, lấy lại túi vàng. Bấy giờ người nghèo khổ sinh tâm hối tiếc, nghĩ sao tại sao mình không đi sớm,

rồi sinh tâm sâu khổ. Người đời gặp Phật pháp cũng thế, mặc dầu có được ruộng phước Tam bảo, nhưng không chịu tinh tấn tu hành, chỉ ham thích nghe nhiều, bất ngờ cái chết đến, để rồi đọa lạc vào ba đường ác. Như người nghèo ngu dốt kia, chưa sử dụng túi vàng đã bị chủ cũ đến lấy. Kệ nói:

*Hôm nay nghĩ việc này
Ngày mai lo việc kia
Tham lạc không quán khổ
Bất ngờ thân chết đến
Vội vàng lo các việc
Người ngu đều như thế
Như người đếm tiền kia
Chúng sinh đều như vậy.*

Trên đây đã nói bảy điều về niệm chư Phật vị lai để (chúng ta) thông suốt ý nghĩa chư Phật ba đời. Nếu nhớ niệm Phật Di-lặc, quyết sẽ được vãng sinh về Thiên cung Đâu-suất, thấy được đức Thế Tôn Từ thị. Đây là chỗ mà ngài Di thiên Thích Đạo An cực lực đề xướng vậy.



NIỆM Phật TAM-MUỘI BẢO VƯƠNG LUẬN

QUYỂN TRUNG

8. CHUYÊN CHÚ NIỆM MỘT CẢNH Phật HIỆN TẠI:

Hỏi: Về việc niệm chúng sinh là chư Phật vị lai, tôi đã biết huyền nghĩa và sự lý sâu rộng rồi. Tuy nhiên, tu như thế e tâm tán loạn khó kiểm soát. Nay tôi muốn hợp nhất, muốn chuyển hướng về Tây phương Cực lạc, niệm một Đức Phật (A-di-đà), ngõ hầu đạt được địa vị Bất thoái chuyển, dứt trừ tâm hữu lậu, chèo thuyền trong ao huỳnh kim (Liên trì), lễ Đức A-di-đà trên điện ngọc, thấu suốt ba đời, thấm nhuần ngòi cứu phẩm, như thế có được hay không?

Đáp: Trong luận Thập Trụ Tỳ-bà-sa của Bồ-tát Long Thọ tạo, giải thích kinh Hoa Nghiêm, phẩm Di Hành Đạo có nói: “Đạo Bồ-tát có hạnh khó làm, như kẻ chèo thuyền trên đường lộ; có hạnh dễ làm như chèo thuyền trên mặt nước.” Lực bản nguyện của Đức Phật A-di-đà là vô cùng tận. Nếu có chúng sinh nào nghe danh hiệu Ngài, sinh lòng tin tưởng, muốn sinh về thế giới Cực lạc, thì kẻ đó như thuyền gặp nước, lại có gió lớn, chỉ một lát chèo đã đi nghìn dặm, đến bờ không có gì là khó. Nhờ lực bản nguyện đó mà phụ thân của Đức Phật và sáu vạn quyến thuộc giòng họ Thích-ca đều được vãng sinh Cực lạc. Do vì, Đức Phật A-di-đà và chúng sinh ở thế giới Sa-bà có duyên sâu nặng với nhau. Nay ông chuyên chú vào một cảnh để tu hành, đó là phương pháp rất hay để thấu suốt trọn vẹn chư Phật ba đời.

Hỏi: Người tu hành nếu chuyên chú vào một cảnh, thì dễ thấu suốt chư Phật ba đời, điều này là chắc thật. Nhưng xưng danh hiệu Đức Phật A-di-đà, cầu nguyện vãng sinh thế giới Cực lạc cũng là pháp hữu vi hư ngụy, e gió nhiều thời sóng to, tâm khó chánh định. Sao không từ bỏ mọi ý tưởng rong ruổi bên ngoài, chỉ cần nhiếp tâm vào trong cho phù hợp với ý chỉ vô vi?

Đáp: Pháp hữu vi tuy ngụy, nhưng bỏ nó thì đạo nghiệp không thành. Pháp vô vi tuy chân nhưng chấp trước vào nó thì tuệ tâm không trong sáng. Kinh nói: “Chán lìa công đức hữu vi, đó là nghiệp ma, đấm

trước vào công đức vô vi, đó cũng là nghiệp ma.” Nay trong ông còn tràn đầy tâm chán lìa và ưa thích giao tranh thì làm sao giải thoát ra khỏi lưới ma được.

Lại nếu Thánh hiền nhiếp tâm rồi cho đó là trong, phàm phu ý tưởng rong ruổi rồi cho đó là ngoài, rong ruổi bên ngoài là loạn, nhiếp tâm bên trong là định; lại sự rong ruổi trong ngoài, không phải là sự nhiếp tâm của niệm Phật Tam-muội. Khi chú giải kinh Duy-ma, Pháp sư La-thập có kể câu chuyện: “Ở nước nọ có một cô gái thân thể sắc vàng ròng. Có người con trưởng giả tên Đạt-mộ-đà-la đem ngàn lượng vàng mời vào rừng trúc. Lúc đó, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi biến thành một vị cư sĩ đứng giữa đường, thân mặc áo bằng ngọc báu rất đẹp. Cô gái thấy cư sĩ trong lòng ưa muốn chiếc áo. Bồ-tát Văn-thù nói: “Cô muốn được chiếc áo ngọc báu này thì nên phát tâm Bồ-đề.” Cô gái hỏi: “Thế nào là phát tâm Bồ-đề?” Bồ-tát Văn-thù đáp: “Chính là thân cô.” Cô gái hỏi: “Sao là thân tôi?” Bồ-tát Văn-thù đáp: “Bồ-đề tánh rỗng rang, thân cô cũng rỗng rang, cho nên chính là thân cô vậy.”

Cô gái này xưa cũng từng ở pháp hội ngài Ca-diếp gieo trồng các căn lành, rộng tu trí tuệ. Do vậy, nghe lời Bồ-tát nói, liền chứng Vô sinh pháp nhẫn. Sau khi chứng Vô sinh pháp nhẫn, cô bèn đối trước Bồ-tát bày tỏ sám hối lỗi lầm ham muốn ái dục của mình, sau đó quay ra đi với người con trưởng giả vào rừng. Khi vào trong rừng, cô gái hóa hiện thân mình chết, sinh thú hôi dơ. Người con trưởng giả thấy vậy, sinh tâm lo sợ, đi đến hỏi Phật. Phật vì người đó mà thuyết pháp, người đó nghe pháp cũng chứng được Vô sinh pháp nhẫn.

Lúc chưa chứng quả đại giác, tức chưa rảnh việc làm, cho nên gọi là nhẫn. Như quán tướng thân mình và quán thật tướng của thân Phật, thì thân người nữ rỗng rang, thân Phật cũng rỗng rang, chưa từng có sự sai khác. Thế thì nghĩa Bồ-đề lại có sự sai khác hay sao?

Do như thế, nên tất cả pháp hữu vi đều là pháp vô vi, tất cả trong ngoài đều chẳng phải trong ngoài. Song, tại hữu mà chưa từng có hữu, hữu mà thường có vô; tại vô mà chưa từng có vô, vô mà thường có hữu. Đã như thế thì ông còn lo gì nơi Phật có tướng, nơi tâm có niệm sao.

9. ĐỜI NÀY ĐỜI SAU TÙY THUỘC VÀO MỘT NIỆM VÀ MƯỜI NIỆM:

Hỏi: Nói về đạo dễ làm và khó làm, quán thân tức là Bồ-đề, yếu chỉ đó đã rõ ràng không còn thắc mắc. Song, con người ở đời thật mau chóng, chẳng khác gì chớp lóe lửa xẹt, một niệm si lạc thì hối hận không kịp. Người tu hành đối với thân còn không tham tiếc, thì đối với

thân tham tiếc làm gì. Nhưng tôi chỉ sợ một hơi thở ra không hơi thở vào là đã qua đời sau, như cỏ bông gió cuốn không biết đi về đâu? Mong ngài chỉ dạy pháp một niệm và mười niệm, để cho tôi có thể dự bị đời sau?

Đáp: Chúng ta gặp được pháp môn Tịnh độ là có phước nghiệp và công đức lớn. Hàng Nhị thừa ngưng trong cảnh hư vô, đắm trước ngoạn không, sợ hãi các tướng, không nhớ nghĩ chúng sinh, vì thế không có Tịnh độ, chỉ duy Đại thừa mới có Tịnh độ.

Trong kinh Bi Hoa nói: “Đức Phật A-di-đà, tiền thân là vị Chuyển Luân vương, tên là Vô Trách Niệm. Vị Luân vương có bảy báu, ngàn con, hết thảy đều đầy đủ. Nhờ có sự dẫn dắt của Thiện tri thức là đại thần Bảo Hải, nhà vua đối trước Bảo Tạng Như Lai phát tâm Bồ-đề, nguyện giữ lấy thế giới Cực lạc. Như vậy, trong tất cả các kinh, biết tên các vị Phật, Bồ-tát Thanh văn đều là ngàn người con của Ngài thuở xưa. Vị thái tử đầu tên Bất Thuần là Quán Thế Âm Bồ-tát, vị thứ hai là Ma ni, là Ngài Đại Thế Chí Bồ-tát, vị thứ ba tên Vương Chúng là ngài Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát, vị thứ tư tên Năng-già-nô là ngài Kim Cương Trí Huệ Quang Minh Bồ-tát, vị thứ năm tên Vô Úy là ngài Liên Hoa Tôn Như Lai, vị thứ sáu tên Yểm-bà-la là ngài Hư Không Quang Minh Bồ-tát, vị thứ bảy tên Thiện Tý là ngài Sư Tử Hương Bồ-tát, vị thứ tám tên Miên Đồ là ngài Phổ Hiền Bồ-tát, vị thứ chín tên Mật Tô, tức là ngài A-súc-bệ Phật.

Thái tử Mật Tô, từ lúc phát Bồ-đề tâm cho đến khi thành Phật, mỗi khi đi đứng, ở từng mỗi bước chân, tâm niệm Ngài luôn nghĩ đến chư Phật. Do nhân duyên như thế, ngày nay Ngài thành Chánh giác làm giáo chủ ở cõi Diệu Lạc. Chúng ta khi đi kinh hành trên đường rộng, hoặc bước vào rừng sâu, không khác gì cái thấy của thái tử Mật Tô. Như thế, khi chúng ta vào nơi náo nhiệt, hay ở chốn bình an với đủ vẻ trang nghiêm, hoặc đang cưỡi ngựa xe voi vãi, há chẳng thể dụng tâm niệm Phật trong từng bước, từng bước một được hay sao? Chúng ta nếu làm được như thế thì so với tiết tháo người xưa thì không có gì là sai khác vậy.

Con người ở đời, lúc ăn uống, vui chơi, giao tế... trong vòng sinh tử, chưa có khi nào mà có thể vượt ra ngoài hơi thở. Nhưng một hơi thở ra mà không trở lại, là đã thuộc về đời sau, đúng như lời ông nói: Con người niệm Phật ở đời phần nhiều lấy báu ngọc, thủy tinh, kim cương, hạt Bồ-đề, các thứ gỗ... làm chuỗi niệm Phật. Còn ta thì lấy hơi thở ra vào làm chuỗi báu, mỗi khi xưng danh hiệu Phật, tùy theo hơi thở ra vào

mà có được sự nương tựa lớn, như thế thì còn lo sợ gì hơi thở ra không trở lại là thuộc về đời sau ư?

Tôi thường đi đứng nằm ngồi đều dùng râu chuổi hơi thở này mà niệm Phật. Giả sử có hôn mê, thì cũng ngậm Phật mà ngủ, tỉnh giấc lại tiếp tục niệm. Như vậy, trong cơn mộng, dù chưa tự chủ cũng thấy Phật. Như cọng cây lấy lửa, khói là tướng báo hiệu của lửa, thấy có khói nhất định lửa sắp có, cũng như người tu trong mộng thấy Phật thường xuyên, còn lo gì Tam-muội không thành. Người tu như thế, tương lai sẽ được thấy Phật, thân cận với Phật và được Phật thọ ký. Được như thế rồi thì muôn vật không mất một điều gì. Ông hãy nên cố gắng!

Hỏi: Một niệm là vãng sinh hay mười niệm là vãng sinh. Hai điều này điều nào là đúng, xin ngài giải thích?

Đáp: Chỉ cần một niệm, quyết định được vãng sinh Tịnh độ, chứng ngôi Bất thoái chuyển. Đây là điều đúng vậy. Như lời Phật đã dạy, người nào phạm tội làm thân Phật ra máu, phá hủy kinh điển, đánh mắng các vị Tỳ-kheo, tạo đủ ngũ nghịch trọng tội. Khi một niệm cực ác thành thì đọa vào địa ngục Vô gián nhanh như tên bắn. Nay người niệm Phật, vãng sinh Tịnh độ là do một niệm cực thiện thành. Sự vãng sinh về Tịnh độ nhanh như co duỗi cánh tay. Một niệm trước là ngũ ấm diệt, một niệm sau ngũ ấm sinh. Giống như ấn sếp in vào vật, giở ấn lên thì thành văn. Như thế người được vãng sinh không cần đợi đến niệm thứ hai, huống gì là mười niệm.

Đánh tăng mắng Phật, tuy không phải là tội nghịch, nhưng cũng đồng loại với tội ngũ nghịch. Lại một niệm đọa lạc tam đồ, như trong kinh nói: “Xưa có vị Sa-di rất thích ăn tô lạc, đến khi lâm chung chỉ vì ham thích mà đời sau đọa làm côn trùng trong tô lạc. Lại như vợ của trưởng giả Đại Tát-bà, một hôm ngồi soi mình trước kính, khởi tâm đắm trước thân thể, về sau bà đi thuyền gặp nạn gió thổi chìm, do niệm ái trước thân thể mà chết làm con giòi ở trong tử thi, không chịu lìa ra. các việc đọa lạc khổ đau như thế, vốn do chỉ một niệm, chẳng đợi đến mười niệm. Lại như trong kinh Vô Lượng Thọ có nói, chỉ cần một niệm niệm Phật lúc lâm chung, quyết định được vãng sinh về thế giới Cực lạc. Sở dĩ trong kinh Quán Vô Lượng Thọ nói mười niệm vãng sinh là có lý do. Bởi vì người đang mắc bệnh gầy yếu, khí lực hao tổn, vô cùng yếu đuối, cho nên phải xưng danh hiệu A-di-đà mười niệm để phụ trợ cho tâm niệm bên trong. Nếu tâm niệm mạnh mẽ không hôn mê, thì chỉ cần một niệm niệm Phật quyết được vãng sinh.

10. TÂM NÀY LÀ PHẬT, TÂM NÀY LÀM PHẬT:

Hỏi: Như kinh Quán Vô Lượng Thọ đã nói: “Tâm này là Phật, tâm này làm Phật.” Thế tại sao chúng ta lại phải động tâm niệm danh hiệu Đức Phật A-di-đà và thường quán tưởng thế giới Cực lạc ở phương xa. Vả lại, nếu niệm chư Phật ở gần và cung kính chư Phật vị lai, thì đó đều là cầu ở ngoài tâm, sao gọi tâm này là Phật được?

Đáp: Câu ông nêu ra là không đúng. Ông chỉ biết dẫn kinh nhưng hoàn toàn không biết nghĩa lý của kinh. Kinh Quán Vô Lượng Thọ là bộ kinh thuyết minh về việc trì danh hiệu Phật A-di-đà. Nhờ sự niệm Phật mà Phật từ tâm tưởng sinh, nói tâm này là Phật. Sao ông lấy trộm pháp quán Di-đà mà trở lại chê bai tâm Di-đà. Nếu như thế, không niệm Phật mà nói tâm này là Phật, không tưởng ác mà nói tâm này là ác được sao? Cả hai điều đó là không đúng. Hướng gì vị giáo chủ thế giới Cực lạc là Đức A-di-đà chí tôn, thì mười vạn ức núi Tu-di cũng không thể làm chướng ngại nhân căn Ngài được. Hằng hà sa ánh sáng tướng hảo đều là do tự lực bản nguyện của Ngài tạo thành, và đối với chúng sinh vãng sinh cõi Cực lạc, thì trong khoảng co duỗi cánh tay liền được vãng sinh, sao còn lo ngại đường đi gần xa?

Hỏi: “Tâm này là Phật, tâm này làm Phật.” Tôi xin cung kính tin lý này. Nhưng kinh Quán Vô Lượng Thọ này có thuyết minh về mười sáu phép quán và hoàng hậu Vi-đề-hy đã chứng đắc. Trong mười sáu phép quán, thì có thể quán tưởng băng, mặt trời, núi vàng sáng chói... Còn các pháp như ánh sáng của ma, ánh sáng của Phật, quán thân mình, quán thân người đều có tướng chánh tà lẫn lộn, làm sao chúng ta có thể phân biệt được. Với khúc mắc đó, xin Ngài chỉ bày, để người niệm Phật, dù tu tập một mình không gần thầy hướng dẫn, vẫn có thể an tâm tu tập?

Đáp: Việc quán tưởng băng là gốc mở rộng để quán tưởng đất lưu ly, quán tưởng mặt trời, là để dần dần hướng đến ánh sáng bạch hào. Nếu tướng từ tướng mà hiện thì gọi là mình, là chánh. Không theo tướng hiện thì gọi là người, là tà. Nếu quán tưởng tướng bạch hào, bạch hào chưa hiện, chưa tướng mắt xanh, tướng mắt xanh lại hiện, chỗ này là trái với tâm quán tưởng, như thế là sai lạc? Quán tưởng về các pháp khác cũng như vậy.

Lại tướng ánh sáng của ma thì có hình bóng chóa mắt, tướng ánh sáng của Phật thì không có bóng chóa mắt. Do đó bài kệ trong kinh Lăng-già có nói:

Cõi Phật hơn tất cả,

*Thanh tịnh diệu trang nghiêm:
Rực rỡ như lửa lớn,
Ánh sáng soi cùng khắp
Sáng bừng không hại mắt,
Bao trùm hết ba cõi.*

Hỏi: Như thế thì ánh sáng hiện ra, bừng sáng và hại mắt là ánh sáng của ma. Còn ánh sáng hiện ra, bừng sáng và không hại mắt là ánh sáng của Phật sao?

Đáp: Nếu là ánh sáng chân thật, thì làm cho người niệm Phật tâm được lặng yên thanh tịnh. Còn ánh sáng ngụy tạo thì khiến cho người niệm Phật tâm xao động hoảng hốt. Vì vậy, trong kinh Niết-bàn có nói: “Lặng trong thanh tịnh, là chân giải thoát. Chân giải thoát chính là ánh sáng của Như Lai.”

Hỏi: Đấng chí nhân xưa nay vốn không động tướng, mà nay ta lại dùng tư tưởng há chẳng phải là sai lầm ư?

Đáp: Hoàn toàn không sai lầm, như kinh Đại Oai Đức Đà-la-ni nói: “Người nào muốn vượt thoát sự trói buộc ba cõi, cần phải phát tâm ham muốn, thích tưởng nghĩ điều vô dục.” Nay cũng như thế, chúng ta muốn tu pháp niệm Phật, cần phải có tâm tưởng, tưởng các pháp vô tướng. Vì thế, kinh Phương Đẳng Hiền Hộ có nói: “Trong lòng ham muốn ác tướng người nữ, trong mộng sẽ thấy người nữ. Lòng ham muốn lành tướng Phật, trong giấc mộng sẽ thấy Phật.”

Chúng ta cần phải biết, hai tư tưởng đây là đồng là tướng, nhưng tánh thiện ác cách biệt như trời vực. Đang nghe nói đó là tướng mà chán bỏ nó. Tuy không chửi mắng Phật, phá hủy kinh điển, cũng vẫn chỉ được sinh về nơi thiên cung Vô tướng. Nếu ai cố chấp vô tướng rồi dèm pha việc tướng Phật, hạ người đó gọi là hủy báng Pháp. Vì tội hủy báng Pháp, quyết sẽ đọa địa ngục mười phương, khó có ngày thoát khỏi, làm sao có được sự sinh về cõi cung trời. Giả sử có được sinh lên thiên cung Vô tướng, thì đó cũng là trời ngoại đạo, hoàn toàn không phải là con đường giải thoát. Kinh Niết-bàn nói: “Hễ ai nghe tiếng trống độc, dù ở xa hay gần đều phải chết.” Sự sai lầm này cũng như vậy, người nào nghe theo việc phế bỏ tư tưởng, tất dù xa gần đều đọa địa ngục. Kinh nói: “Có khi cách mặt đất một thước hai thước, du hành qua lại” là ý ở chỗ này. Người phế bỏ tư tưởng như thế thì làm sao vượt ra ngoài sự lưu chuyển của tam giới, làm sao được vãng sinh nơi chín phẩm liên hoa. Hướng nữa. việc làm chìm ghe hay nổi ghe, đều là do nước nổi hay nước cuốn. Cũng vậy, tư tưởng vọng tức là chúng sinh, tư tưởng chân tức là

chư Phật. Là ra ngoài tư tưởng thì gọi là cái gì.

Hỏi: Sự đã giải thích, còn lý thì như thế nào?

Kinh Ban-chu Tam-muội có nói: “Tâm khởi tưởng tức là si mê, vô tưởng tức là Niết-bàn.” Nay Ngài nói phải dùng tư tưởng, e như thế không trái với lý kinh hay sao?

Đáp: Điều này chẳng trái với lý kinh. Nếu trong tâm còn giữ tưởng Phật, thì trong tâm thường tưởng đến Phật. Còn bằng bỏ tư tưởng Phật, chấp lấy ác thủ không đó không phải là vô tưởng mà chính là đại si mê. Chúng ta ngày nay sở dĩ hiểu được Phật, đều do tư tưởng mà sinh, không có Phật thì không có tưởng, như thế làm sao có si mê. Đó chính là pháp quán Không Tam-muội, chẳng phải là tà kiến.

Nay ông lại hỏi về lý đó như thế nào. Xét người nào đã thể hiện được bản tánh chân thật lặng lẽ, thì tâm người đó thường rỗng rang như hư không, không thể hoại diệt. Tuy vạn pháp rọi chiếu nhưng tâm chưa từng có niệm. Đó là chân trí vô duyên, bởi do không có niệm mà gọi tên, còn tục trí hữu duyên bởi do tưởng niệm mà sinh. Lại nữa, tưởng chẳng khác không, không chẳng khác tưởng. Đây gọi là lý đệ nhất nghĩa trung đạo, là hiển bày pháp thân.

Không tức là tưởng, gọi là lý tục đế, hằng sa vạn đức đều nương vào tục đế, đây là hiển bày Báo thân. Tưởng tức là Không, gọi là lý chân đế, phá trừ hai mươi lăm hữu, chứng đắc hai mươi lăm Tam-muội, thường Không tịch tĩnh hóa hiện, hòa quang lợi vật, đây gọi là Hóa thân. Như thế là lấy tam quán quán tam đế, chứng đắc tam đức, thành tựu tam thân, cho đến thập chủng tam pháp, có gì mà chẳng chứng được. Thế mà muốn loại bỏ tưởng thanh tịnh, giữ lấy tưởng vô tưởng hay sao, đã bế tắc nơi cửa thiền định, mà còn có thể rộng rãi với việc thành Phật ư?

Kinh Lăng-già Mật Nghiêm nói: “Thà chấp có như núi Tu-di,” nghĩa là còn tin có nhân quả, còn giữ tư tưởng niệm Phật, lâm chung được vãng sinh về thế giới Cực lạc. Lại nói: “Không nên chấp không như hạt cải” nghĩa là không tin có nhân quả, hủy báng pháp niệm Phật, quyết định khi lâm chung sẽ đọa địa ngục A-tỳ. Đây quả thật là điều đáng sợ.

11. MẶT ĐAY VỀ HƯỚNG TÂY NIỆM LỚN TIẾNG:

Hỏi: Tưởng tức là vô tưởng, tôi nghe theo lý này. Còn như trong kinh Phương Đẳng nói: “Người nào tu pháp môn vô thượng thậm thâm diệu thiền định, nên tưởng liên tục tưởng bạch hào của Phật kèm theo xưng danh hiệu Phật để được thăng định. Sau khi tâm đã khế hợp với

định rồi, thì tâm và Phật cả hai đều mất.” Điều này có thể tin. Nhưng xét việc mặc niệm lặng lẽ (niệm thầm) thì Tam-muội tự đến, cần gì phải to tiếng niệm Phật mới thành tựu chánh đạo?

Đáp: Đúng như ông hỏi, to tiếng niệm Phật cũng không có gì sai, mà trái lại ông hỏi như thế là làm rõ công năng của nó. Tại sao? Bởi việc thiết yếu để trừ tâm tán loạn là giữ tiếng niệm Phật làm cho có tiếng. Tiếng niệm Phật nếu không rõ ràng, thì tâm niệm rời rạc, hoang mang khó định, còn tiếng niệm Phật rõ ràng, thì tâm được chuyên nhất, không còn lo nghĩ, đây là nghĩa thứ nhất. To tiếng niệm Phật, tiếng vang ra thì mọi tai họa xung quanh đều tiêu, công đức từng lâm ngày càng sung mãn, đây là nghĩa thứ hai. To tiếng niệm Phật thì dễ cảm đến thần lực của chư Phật, Bồ-tát khiến sinh ra các tướng lành, như Phật phóng hào quang, hoa báu rơi xuống lác đác như mưa, đây là nghĩa thứ ba. To tiếng niệm Phật là một phương tiện trợ niệm thần diệu, giống như khiêng khúc cây nặng không khiêng đi nổi, nhưng chỉ một tiếng hô mà dắt đi nổi, đây là nghĩa thứ tư. To tiếng niệm Phật thì có năng lực hàng phục các ma nã, giống như trong trận chiến, biết sử dụng tiếng trống để đàn áp tinh thần đối phương thì chắc được thắng địch, đây là nghĩa thứ năm.

To tiếng niệm Phật có công đức như thế sao lại bỏ đi. Nếu người nào chưa đạt được hai pháp quán tưởng và tịnh niệm, định và tuệ tương ứng thì làm sao thấu rõ được ý Phật. Không nên cho rằng mỗi khi định và tuệ quân bình, thì tâm và Phật đều mất, như lời ông nói. Vì vậy trong bài tựa của Niệm Phật Tam-muội, ngài Tuệ Viễn ở Lô sơn có nói: “Xét về công đức cao siêu và tu trì dễ tiến, thì niệm Phật là pháp đứng đầu.”

Còn nói về niệm thầm, nếu tâm chuyên chú lắng nghe danh hiệu Phật, thì các trần lụy thấy đều tiêu tan, các tình niệm trệ ngăn thấy đều sáng thông, đó chẳng phải là chỗ chí diệu của thiên hạ để mọi người noi theo pháp chấp trì Phật hiệu hay sao. Lại để tán thán công Đức Phật hiệu, kinh Hoa Nghiêm có nói: “Thà chịu vô lượng khổ, được nghe danh hiệu Phật; không thọ mọi điều vui; chẳng nghe tiếng Phật hiệu.”

Lại nữa, âm thanh Phật hiệu càng vang xa, đó là mầm mống phát sinh các điều thiện. Giống như tiếng sấm mùa xuân, làm khởi động sự phát triển các loại thảo mộc, sao lại xem thường tiếng niệm Phật lớn tiếng được.

Hỏi: To tiếng và nhỏ tiếng niệm Phật, công đức sai khác, tôi xin ghi nhận điều này. Nay xin hỏi, mười phương đều có chư Phật, sao chỉ

quay về hướng Tây, như thế có gì chướng ngại hay không?

Đáp: Câu hỏi ông vừa nêu ra là chẳng đúng. Điều này chính trong các kinh Phương Đẳng Đức Phật đã có nói rõ ràng, chẳng phải là do người sau này tự tiện bày ra. Ông sao lại đi hủy báng kinh Phương Đẳng ư?

Hỏi: Xin ngài giải thích giáo nghĩa ngồi day mặt về hướng Tây. Lý ở nơi nào?

Đáp: Cũng có cái lý của nó. Như có người si mê, thấy BỒ-tát Quán Thế Âm có mười một mặt, bần vẩn nạn như thế này: “Sao BỒ-tát lại không là mười hai mặt.” Nếu chúng ta tùy theo đó mà trả lời, họ lại vẩn nạn ngược lại “Sao không lại là mười một mặt.” Nay ông muốn lấy đồng để nói tây, việc ấy cũng như người si mê vậy.

Giống như người mê ngủ chưa tỉnh, nếu giữ được thân này khiến được tỉnh táo, để tâm duyên theo một hướng không rời, quyết có thể tỉnh ngộ, còn hạng như thế mà không tỉnh ngộ, thì không làm sao có thể giáo hóa được, họ chỉ là những người đáng thương mà thôi.

Lại trong kinh Thắng Thiên Vương, phẩm Nhị Hạnh có nói: “Như Lai có tám mươi tướng hảo. Trong đó có tướng hảo quang minh công đức có tên là Hướng về khắp tất cả chúng sinh không từ bỏ một ai.” Như Đức Phật, ngài không bao giờ xoay lưng mà thường hướng mặt về chúng sinh, chứ chẳng phải như người bệnh nặng, không muốn thấy và nghe tiếng ai. Quả thật ngài là bậc rất đại Từ đại Bi.

Đại sư Trí Giả lúc còn thơ ấu, ngài thường có thói quen khi nằm thì chấp tay, khi ngồi thì day mặt về hướng Tây. Lần hồi về sau, lúc ngài đọc qua bốn mươi tám đại nguyện Phật A-di-đà và chín phẩm vãng sinh, liền cảm được ánh sáng chiếu khắp núi, nhạc trời rền vang. Sau khi viên tịch, ngài liền được vãng sinh thế giới Cực lạc. Như thế, pháp niệm Phật day về hướng Tây, không phải là việc đáng tuyên dương sao.

Hỏi: Pháp niệm Phật day về hướng Tây, tôi kính ghi nhận. Còn ý nghĩa Ban châu như thế nào, xin ngài giải thích?

Đáp: Ban Châu là tiếng Phạm, xứ này dịch là Hiện tiền, có nghĩa là tư duy về Phật liên tục, thì Phật sẽ hiển hiện trong định. Còn pháp chín mươi ngày hành đạo, chỉ là việc trợ duyên cho pháp tu Ban Châu, chứ không phải là nghĩa chính.

Hỏi: Ý nghĩa Ban Châu là chỗ diệu nghĩa của pháp môn Tịnh độ, tôi đã nghe đầy đủ. Nhưng vào thời cận đại ngày nay, đã có được mấy người sau khi vãng sinh Tịnh độ, trở lại báo tin. Như thế thì chúng ta làm

sao biết là đã đến chỗ ấy?

Đáp: Pháp sư Tuệ Viễn vào đời Tấn ở Lô sơn là vị khởi xướng pháp môn Tịnh độ. Tuệ Viễn được Tam tạng Phật-đà Bạt-đà-la truyền dạy pháp Niệm Phật Tam-muội. Ngài cùng với đệ tử Tuệ Trì, cao tăng Tuệ Vĩnh nhóm họp các sĩ phu, quan lại về hưu, người ẩn dật như Tông Nạp, Trương Dã, Lưu Di Dân, Lôi Thứ Tông, Châu Tục Chi, Tạ Linh Vận, Khuyết Công Tác... cả thảy gồm một trăm hai mươi ba vị cùng nhau tu Tịnh độ, đục núi làm bài minh phát nguyện cầu vãng sinh. Bài minh do Lưu Di Dân trước tác, đại lược như sau:

“Buông xả vòng thế gian chìm đắm, tỉnh ngộ kiếp vô thường chóng vánh, rõ ba báo thường xuyên thôi thúc, biết hiểm nguy thoát khỏi đường ra. Do đó tập hợp các hiền sĩ cùng chí hướng, ngày đêm kính cẩn chuyên cần, mong cầu Đức A-di-đà từ bi tế độ. Dùng diệu quán đại nghi để khai mở tâm hồn, luyện trí quán chiếu luôn rõ ràng chính trực. Để tâm thức nhờ đó mà tỉnh ngộ, thể xác nhờ đó mà đổi thay, mượn thân giả tạm để vào Thánh chúng, nép bóng huỳnh kha chư Phật để trưởng dưỡng tâm linh, mặc áo giải thoát bay nơi cõi Cực lạc có ao sen bát đức, thổi ngọn gió thơm thanh tịnh trở về độ kẻ cùng đường lầm lạc. Thân hết mọi an nguy mà luôn luôn hòa mục, tâm vượt cả khổ vui vẫn tự tại tươi vui. Trông xuống tam đồ thì hun hút, nhìn lại thiên cung thì đã bỏ xa. Theo con đường Thánh chúng, mong được về nơi cõi tịch tịnh Niết-bàn.” Ông nên xét kỹ, đạo vi diệu như thế, tại sao chẳng hoảng dương.

Pháp sư Tuệ Viễn có viết lời tựa trong cuốn Niệm Phật Tam-muội rằng: “Sao gọi là Niệm Phật Tam-muội? Nghĩa là nhớ chuyên, tưởng lặng vậy. Nhớ chuyên thì chí không dời đổi, tưởng lặng thì khí thanh thần sáng. Trí thanh thì trí giác soi khắp, thần sáng thì rọi khắp các chỗ tối tăm. Hai món này tự nhiên thâm hợp nhau, chung hội lại mà thành ra chỗ dụng chí cực. Lại các môn Tam-muội, tên của nó rất sâu xa, nhưng trong xét công đức rất cao vời và tu rất dễ tiến, thì pháp Niệm Phật Tam-muội là đứng đầu. Nếu lấy chỗ chuyên của mỗi định, thì không thể lấy định nào là hay và định nào là dở.”

Lại Tạ Linh Vận có làm bài vịnh cảnh Tịnh độ như sau:

“Pháp Tạng tôi vốn ở cung vua; lòng say mẩn đạo bỏ quốc thành; thành tâm phát khởi bốn tám nguyện; mong cứu khắp cùng các chúng sinh; lập một tịnh bang đầy trắng diệu; ai nấy đều đủ vẻ tinh anh; không già nua không điều đau khổ; nương đài sen hóa hiện du thành.”

Nay ông hỏi rằng chưa thấy người nào vãng sinh trở lại báo tin.

Tôi xin trả lời. Ở triều Tấn, có ông Khuyết Công Tắc, nguyện sau khi vãng sinh trở lại báo tin cho bạn bè. Về sau ông mất, một đêm nọ các người bạn ở trong chùa Bạch mã tại Đông kinh đang làm lễ giỗ ông. Lúc đó, bỗng nhiên chánh điện, vườn rừng trở nên sáng lòa màu vàng kim, trong hư không vang ra tiếng nói: “Tôi là Khuyết Công Tắc, trước đây có nguyện cầu vãng sinh về nước Cực lạc, nay đã đạt thành sở nguyện, nên tôi trở lại báo tin cho các vị hay.” Nói xong, các tướng lạ đều ẩn mất. Nhân sự kiện này, Chi Đạo Lâm có làm bài kệ tán thán sau:

*Lành thay! Khuyết Công Tắc
Rung động cả đại thiên
Thân sinh nơi Tây vực
Để dấu lại kinh đông
Giữa trời bỗng qua lại
Vang tiếng hiện dung hình
Nay ta kính ca ngợi
Thiệt là chuyện linh thông.*

Lại, Ngu Hiếu Kính cũng có làm kệ tán thán:

*Lành thay! Khuyết Công Tắc
Trước nếm pháp vị ngọt
Biết tôi muốn mong cầu
Đạo ấy thật là quý
Nên hiện ánh sắc quang
Diệu tướng thật rõ ràng
Không quên nguyện xưa cũ
Về lại vãng Tây phương.*

12. MỘNG TỈNH ĐỀU CHỈ LÀ MỘT TÂM BỞI RÕ TAM MUỘI:

Khuyết Công Tắc sau khi vãng sinh hiện tướng ánh sáng kim sắc trở lại báo tin, tôi đã từng nghe chuyện này. Có điều, đức Phật vốn dạy tất cả các pháp đều là huyễn mộng. Như thế không biết Đức Phật ta niệm và cảnh Tịnh độ ta sinh có phải là huyễn mộng hay không? Nếu cảnh đó chẳng phải là huyễn mộng, thì Phật là ở ngoài tâm, còn nếu là huyễn mộng, thì Phật ở trong mộng. Ví như cảnh trong mộng được vàng, nhưng tỉnh mộng rồi thì không được gì cả. Tôi e sợ chí thành khẩn thiết tưởng niệm ba thân, rốt cùng thành ra hư vọng. Xin ngài Từ bi vì tôi mà giảng điều này.

Đáp: Đức Phật được niệm và cảnh Tịnh độ được sinh đều chẳng phải là cảnh huyễn mộng. Tại sao biết được điều này. Nếu người tu

niệm Phật Tam-muội, như cảnh trong mộng được vàng, tỉnh rồi không còn, thì đồng với hư vọng, cứu cánh vắng sinh Tịnh độ, rõ ràng như thế, cớ sao cho là vọng? Như người tập luyện pháp thiên nhãn, đầu tiên tưởng tượng ánh sáng của viên ngọc lửa, tưởng mãi không ngừng, thì sau thật sự phát được thiên nhãn, điều này cũng bảo là vọng được sao? Sao đồng với cảnh khác, là cảnh được vàng rốt cuộc không có được? Thế nên, đừng xem vật ở xa bằng con mắt cận thị, rồi cho là huyền mộng, đừng bao giờ cho rằng pháp niệm Phật vắng sinh toàn là cảnh huyền mộng.

Lại kinh Hoa Nghiêm nói: “Tâm, Phật và chúng sinh cả ba đều không sai khác. Tâm mê giống như người mộng, thì chính pháp giới chúng sinh cũng là cảnh mộng. Tâm ngộ giống như người tỉnh, thì một pháp giới chư Phật là cảnh thật. Mê và ngộ xưa nay cũng chỉ ở một tâm. Mộng và tỉnh chưa từng riêng hai chỗ.”

Kinh đã nói: “Rõ vọng vốn là chân, thì thấy được Đức Phật Lô-xá-na cũng như mộng” cũng nào sai. Đây là điều do tâm suy xét mà thấy vậy.

13. NIỆM BA THÂN PHẬT ĐỂ PHÁ TRỪ BA CHƯỚNG:

Hỏi: Chư Phật có ba thân. Nhớ niệm ba thân này là thế nào, mong ngài chỉ bày để khỏi có chỗ hiểu sai lạc?

Đáp: Tam thân của Phật là Pháp thân, Báo thân và Hóa thân. Pháp thân như thể tánh mặt trăng; Báo thân như ánh sáng mặt trăng và hóa thân như là hình bóng của mặt trăng in trên nước. Trong muôn ngàn mặt nước đều có ánh trăng. Như vậy, trăng này nhiều hay chỉ có một. Không thể nói là một vì mặt trăng hiện trên mặt nước thường sai khác. Cũng không thể nói là nhiều, vì hư không chỉ có một mặt trăng. Như chữ Phạm thư y, thấy điều sai khác và có rất nhiều nghĩa.

Kinh nói: “Hoặc hiện thân cao tượng sáu, ngang tám thước, đều là Phật ở trong nước tâm của chúng sinh.” Như thế, Phật xưa nay vốn không có hình dáng, làm sao lại có hai hình? Do đó, cõi tịnh hay cõi uế đều ở trong tâm mình vậy.

Nếu muốn dùng pháp ba thân để phá trừ ba chướng, thì ngay đây nên xét rõ: Thân Phật đó là do từ tu Chỉ Quán mà sinh. Nếu Chỉ và Quán không quân bình thì ba chướng sẽ phát khởi. Người niệm Phật tu Chỉ tâm trầm, thì chướng hôn ám hiện khởi, làm chướng ngại cho hóa thân Phật. Lúc đó nên dùng pháp Quán để phấn chấn tâm bằng cách niệm tưởng ánh sáng bạch hào của Phật, mà phá trừ hôn ám. Nếu tu Quán tâm phù động, tất không có điều ác nào mà không tạo, làm

chương ngại Báo thân, thì nên trở lại tu Chỉ để ngăn ngừa các điều ác bằng cách niệm tưởng về các nhân lành xưa của Phật. Ngài có hàng sa công đức, trí tuệ viên mãn, do đó mà chứng được Báo thân, phá trừ chương ác niệm. Còn nếu chương nhị biên (đoạn và thường) phát động, sinh ra nhiều hiện tượng lạ lùng, vạn tướng lạ lùng, vạn tướng lầm lạc, mềm cứng phá rối làm chương ngại Pháp thân Phật, thì dùng pháp trung đạo Đệ nhất nghĩa Không để phá trừ nó, như bài kệ sau nói:

*Không sắc không hình tướng
Không căn không trụ xứ
Vì không sinh không diệt
Kính lễ Vô sở quán (Phật).*

Lý vô sở quán này như luồng gió cực mạnh, thổi tan đám mây mù dày đặc, làm hiện bày rõ ràng mặt trăng báu pháp thân thanh tịnh, phá trừ các chương phiền não ngăn ngại bức bách. Tùy theo bệnh mà cho thuốc, không ngoài các điều này. Ta đã đồng hóa với người, người cũng đồng hóa với ta, vật và ta như nhau thì Tam-muội tròn đầy mạnh mẽ. Chúng sinh vô tận thì Tam-muội cũng vô cùng.

Sáu điều tôi trình bày trên đây đều là nói về pháp niệm Phật A-di-đà hiện tại để thông suốt ý nghĩa niệm chư Phật ba đời. Nói rộng ra thời như các tập: An lạc tập; Thiện Thai Thập Nghi luận; Thích quần nghi luận của Pháp sư Hoài Cẩn; Vãng sinh truyện; Pháp bảo nghĩa luận của thiền sư Trù ... đã giảng giải đầy đủ. Cũng như trong Vô thượng thậm thâm diệu thiền môn truyện tập pháp bảo của thiền sư Phi Tích đã nói rõ ràng.



NIỆM PHẬT BẢO VƯƠNG TAM-MUỘI LUẬN

QUYỂN HẠ

14. TƯỚNG NHÂN QUẢ CỦA PHÁP NIỆM PHẬT QUÁ KHỨ LÀ ĐỒNG NHAU:

Hỏi: Về ý nghĩa niệm chư Phật hiện tại với tâm chuyên chú vào một cảnh, tôi đã nghe ý nghĩa uyên áo đó rồi. Còn Đức Phật mà chúng ta niệm (Phật quá khứ) là bậc chí Thánh tột cùng huyền diệu, được tôn xưng là Như Lai. Nhưng ngặt nỗi người niệm Phật, kẻ mới nhìn trộm vào, cửa chân như mới là hạng phàm phu, làm sao lại nói là đồng với bậc đã thành chánh giác được.

Đáp: Trong kinh Tam-muội hải có nói: “Phật chúng ta niệm, như sư tử chúa đã ra thai” đây là dụ cho Phật quả, “Người niệm Phật như sư tử chúa còn ở trong thai.” đây là dụ cho con Phật. Nhân quả mặc dầu sai khác, nhưng oai thần thì tiếp nối nhau. Như thế luận nói người niệm Phật là Phật đâu có gì sai lầm. Muốn cho sư tử trong thai gằm rống, làm cho chim đang bay phải rớt xuống, làm cho thú đang chạy phải ẩn mình, thì tương lai có thể làm được. Cũng như sư tử đã ra ngoài thai, vẫn ở đó để đợi thì có lỗi gì. Đây là ý nghĩa nhân quả như nhau.

Lại kinh Pháp Cổ có nói: “Như vua Ba-tư-nặc cùng quân địch đánh nhau. Nhà vua bị trúng tên độc, nỗi khổ không cách nào chịu xiết. Nhà vua nghe nói có vị thuốc hay tên là Tiêu độc, vua lấy thuốc này thoa trên mặt trống, rồi lấy dùi đánh. Khi tiếng trống vang lên, có thể làm cho tên độc bay ra. Nhà vua làm theo và được bình phục như xưa. Cũng thế, nếu có người nào nghe được danh hiệu Thích-ca Mâu-ni và nghe tin được danh hiệu Tỳ-kheo phương quảng, thì có thể làm cho mũi tên ba độc tham, sân, si trong thân, tiếng kêu danh hiệu Phật vang ra thì mũi tên độc liền rơi xuống. Cho nên, kinh này có tên là kinh Đại Pháp Cổ. Thích-ca Mâu-ni Phật là Phật quá khứ là quả, Tỳ-kheo tức người phương quảng là nhân, diệt tội đều tương đồng. Đây là ý nghĩa nhân quả như nhau.

Hai kinh này đã nói rõ, tuy chưa phải là hàng cực Thánh, chỉ là

người nghe danh hiệu Phật mà được sự lợi ích như Phật không khác. Cho nên, trong Pháp Hoa Tam-muội sư tự truyện (5q) có nói: “Đời Tỳ, Thiên sư Nam Nhạc Tư có người đệ tử là thiên sư Đại Thiện, vị này đã chứng được Từ tâm Tam-muội. Lúc này trong xứ Hoành Dương có quan thứ sử Trịnh Tăng Quả. Ông này thường hay cùng lính vào rừng săn thú. Một hôm, ông ta bủa lưới bắt được mười con nai, bèn nói với quan huyện Trần Chánh Diệp: “Nghe ông thường nói Thiên sư Đại Thiện có lực từ bi. Vậy hãy đem thần lực đó cứu những con nai này xem.” Trần Chánh Diệp liền bảo các người hầu đồng thanh niệm: “Nam-mô Đại Thiện thiên sư.” Ngay lúc đó bầy nai liền được thoát ra khỏi lưới mà bay lên hư không. Thần lực từ tâm của Thiên sư Đại Thiện so với Bồ-tát Quán Thế Âm, hai thần lực đó có gì khác nhau đâu? Thiên sư Đại Thiện cùng thời với ngài Trí Giả, đều là những bậc nổi danh đương thời.

Nếu ai chẳng xem thường lời dạy của Thánh nhân, thì pháp Niệm Phật Tam-muội có thể triệt đứt nạn, như vàng ở trong lò luyện, khi trở màu sáng đẹp rồi, thì bợn nhơ cũng chẳng còn.

15. VÔ TÂM NIỆM PHẬT LÀ LÝ SỰ TU SONG:

Hỏi: Pháp niệm chư Phật ba đời hoặc dạy mặt về hướng Tây, tôi đã nghe được ý nghĩa u huyền này. Nhưng nếu các pháp đều có niệm, có tư tưởng, có sinh có diệt, thì làm sao hợp với tông chỉ đem tâm vô sở niệm mà tu niệm Phật của kinh Thắng Thiên Vương Sở Vấn?

Đáp: Với thuyết vô niệm, con người phần nhiều đều có sự hiểu lầm. Nếu chẳng có sự nghiên cứu tinh tường, sợ e rằng sẽ mờ mịt đường tu thẳng tắt ấy. Nay tôi dùng lý và sự để biện giải điều này.

Nói về phương diện lý là chân thật vô niệm. Giải thích rằng: nói hữu và vô tức niệm này vốn vô niệm. Vì sao? Vì Phật cũng từ niệm mà sinh, tâm tức là Phật. Giống như dao không tự nó cắt, tay không tự xúc chạm, Phật cũng chẳng tại ý. Thành Phật, tâm cũng chẳng phải là tự tâm, Phật cũng chẳng tự ý thành Phật, thì làm sao có thể ngoài Phật mà lập tâm, ngoài tâm mà lập Phật. Phật đã vốn không, thì tâm lại có sao? Nghĩa lý vô tâm vô niệm đó nay tôi đã giải thích rõ ràng.

Do đó người thế gian cho rằng niệm Phật là hữu niệm, còn tôi nói niệm Phật là vô niệm, cũng không sai vậy. Lại niệm vốn là không, thì làm sao có niệm, chẳng phải niệm sau khi diệt mới thành không? vậy làm sao có vô niệm. Tánh của niệm vốn là không, thì làm sao có sinh diệt.

Lại tâm vô sở niệm, nên vô sở trụ. Người tu niệm Phật là khởi tâm này. Tâm vô sở niệm từ gốc vô sở trụ và tu niệm Phật thành lập tất

cả pháp. Tâm vô sở niệm, niệm tức là không mà tu niệm Phật, chính là niệm, tông chỉ này không có gì sai khác. Đây là nói về lý trung đạo.

Tâm niệm và Phật được niệm, cả hai đều bật dứt là chỉ, cả hai đều sáng tỏ là quán. Nếu định và tuệ không quân bình thì không phải là chánh thọ. Như thế thì chẳng được gọi là Tam-muội hay sao? Nay chỗ sáng tỏ mà thường lặng, đó chính là tâm vô sở niệm, lặng mà sáng tỏ là tu niệm Phật vậy. Như Lai là bậc đã chứng Tịch chiếu Tam-muội, tức là chứng ở địa vị cứu cánh niệm Phật Tam-muội. Cho nên, Tam-muội này, có thể sinh ra Thủ-lăng-nghiêm sư tử hống định. Như bài kệ trong kinh Bồ-tát niệm Phật Tam-muội có nói.

*Niệm Phật sắc vàng ròng
An trụ tâm vô trước
Quán pháp sao gọi Phật
Nhiếp tâm không gián đoạn
Sắc vàng chẳng phải Phật
Bốn ấm cũng như thế
Lìa sắc chẳng phải Phật
Tưởng sắc nên rõ biết.
Đây là Phật Thế Tôn
Chỗ tối thắng tịch tịnh
Hay khéo diệt tất cả
Ngoại đạo các tà kiến
Như rồng chúa tung muta
Thấm mát tất cả vật.*

Kinh này giải thích rõ, tất cả các pháp lục độ vạn hạnh, không có một pháp nào là không phải Niệm Phật Tam-muội.

Hỏi: Về phương diện lý giải đã rõ, nay xin Ngài giải thích về phương diện sự, khiến người tu đạt đến chỗ chân vô niệm, hợp với Bát-nhã ba-la-mật, rõ thông với vô tướng Đại thừa thậm thâm thiền định?

Đáp: Xét lý và sự, hai môn này thường đi đôi với nhau. Trước tôi đã giải thích lý của sự. Nay tiếp sẽ giải thích sự của lý. Kinh Đại Phẩm Bát-nhã nói: “Phật vì hạng căn độn mà nói các pháp đều không tịch, vì họ hay sinh chấp kiến. Lại vì hạng lợi căn mà nói tướng hảo của chư Phật giống như sen không dính bùn. Cho nên, Tu-bồ-đề là bậc Giải không đệ nhất của Tiểu thừa, là vị thối đạt được vô danh vô tướng nên được thọ ký tương lai sẽ thành Phật hiệu là Danh tướng Như Lai. Nếu chẳng phải là hàng căn khí Đại thừa, tất còn sợ các pháp như thanh, hương, vị, xúc lôi cuốn, đã còn lo trốn tránh không phút nào thông thả,

đầu dóm quanh quẩn trong vườn hoa sắc tướng. Nay Tu-bồ-đề là vị đã đạt được danh tướng, cho nên mới được Phật thọ ký cho làm Phật.

Nói về phương diện sự, là xét Phật đã sinh nơi tâm, thì Ban Châu Tam-muội không cần niệm vẫn được. Cảnh đã ra khỏi ngã, thì Pháp hoa Tam-muội không sớm cũng tự thành. Tâm vô sở niệm là dứt tuyệt mọi vọng tưởng, và người tu niệm Phật là khéo tưởng một cảnh Phật.

Kinh Văn-thù Sở Thuyết Ma-ha Bát-nhã nói: “Như người học bắn, tập lâu ngày thì trở thành tinh xảo, sau này bắn, tuy không để tâm nhưng mũi tên vẫn trúng đích. Nếu người nào muốn thể nhập vào Nhất hành Tam-muội, tùy theo phương sở chư Phật, chuyên tâm xưng danh hiệu, niệm niệm không gián đoạn, thì ở trong mỗi niệm sẽ thấy được Phật ba đời. Cũng như người tập bắn kia, sau khi tập thuần thực, tuy vô tâm mà vẫn bắn trúng.” như thế thì vô tâm hoàn toàn chẳng phải là không khởi niệm. Cho nên, kinh Phương Đẳng nói: “Mỗi niệm, mỗi niệm nếu luôn luôn dừng nghỉ, thì chư Phật sẽ hiện tiền.” Kinh Anh Lạc nói: “Đạo gọi là nhất tâm, nhiều vọng tưởng chẳng gọi là đạo.” Kinh Tọa thiền Tam-muội nói: “Bồ-tát tọa thiền, thì không nhớ nghĩ tất cả, chỉ duy niệm một vị Phật, như núi chúa Tu-di vàng chói giữa bể cả trong xanh, cho đến công đức Pháp thân cũng niệm như thế.”

Hỏi: Nếu nói vô niệm là Tam-muội, thì cứ để tâm đi thẳng vào chỗ vô niệm, sao lại đi xa nẻo ấy, mà sử dụng ý niệm?

Đáp: Kinh Lăng-già nói: “Dùng cây gài cửa để mở chốt gài cửa.” Lời tục có câu: “Khiến giặc đuổi giặc.” Nay lấy niệm để dừng bạc niệm, có gì là không được. Hướng gì niệm mà thuần thực, có gì mà chẳng tự thành. Như kiếm khách múa gươm, múa cho đến khi rung động cả mây xanh, rồi bỏ kiếm vào bao đeo ở bên lưng mà chẳng mất nội lực. Lại như đầu bếp chặt thịt, nếu bỏ dao thì chẳng có thể làm được. Đó là niệm thuần thực cũng chẳng rõ ràng sao?

Cho nên, luận Khởi Tín nói: “Nếu rõ tuy nói, nhưng không có người để nói, tuy niệm nhưng không có tâm để niệm, thì gọi đó là Tùy thuận Tam-muội. Nếu lìa nơi niệm mà gọi là thể nhập, chỗ thể nhập đó gọi là Chân như Tam-muội. Hướng nữa, địa vị vô niệm là ở ngôi Diệu Giác. Bởi vì chỉ có đấng Như Lai mới bỏ được tướng ban đầu mà nói sơ tướng. Vì thế, vô niệm chẳng phải là chỗ hàng Bồ-tát Thập địa có thể chứng biết.”

Ông nay còn chưa chứng được ngôi vị Thập tín, thế mà chẳng nương theo ngài Mã Minh Đại sĩ, từ chỗ thuyết thể nhập vào vô thuyết, từ chỗ niệm thể nhập vào vô niệm, thì e sẽ vướng vào việc thích lâu cao

mà khinh đất thấp, bỏ quần mặc áo, như thế làm sao ổn được?

Kinh Đại Phật Đảnh chư Bồ-tát vạn hạnh Thủ-lăng-nghiêm nói: “Ngài Pháp vương tử Đại Thế Chí cùng với năm mươi hai vị Bồ-tát đồng bậc, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ chân Phật, mà bạch rằng: Con nhớ xưa kia hằng hà sa số kiếp, có Đức Phật xuất thế hiệu là Vô Lượng Quang và liên tiếp mỗi kiếp có mười hai vị Phật ra đời. Đức Phật sau cùng tên là Siêu Nhật Nguyệt Quang Như Lai. Đức Phật đó dạy cho chúng con pháp Niệm Phật Tam-muội: Ví như có người, một người chuyên nhớ và một người chuyên quên, hai người như vậy, dù có gặp nhau cũng như không gặp, dù có thấy cũng như không thấy. Dù hai người nhớ nhau và tưởng niệm sâu sắc, thì dù có trải qua đời này hay đời khác cũng ở bên nhau như bóng theo hình, chẳng lúc nào chống trái nhau. Mười phương Như Lai thương nhớ chúng sinh như mẹ thương con. Nếu con cứ trốn tránh thì dù mẹ có nhớ con cũng không làm sao gặp con được... Nếu con nhớ mẹ cũng như mẹ nhớ con, thì mẹ con đời này đời khác cũng không xa cách. Nếu tâm chúng sinh luôn nhớ Phật, niệm Phật, quyết hiện tiền hay tương lai, nhất định thấy Phật, cách Phật không xa. Như thế không cần phương tiện nào, tự chứng được tâm khai mở, như nhiễm hương thơm vào người, nơi thân có mùi hương, đây gọi là Hương Quang Trang Nghiêm. Con vốn ở chỗ nhân địa này, do niệm Phật mà chứng được Vô sinh pháp nhẫn. Nay ở cõi Sa-bà này, nhiếp người niệm Phật trở về cảnh giới Tịnh độ. Phật nay hỏi viên thông, con nghĩ không cần lựa chọn, cứ thu nhiếp sáu căn, tịnh niệm nối nhau, thì chứng đắc Tam-ma-địa, đây là pháp Đệ nhất.”

16. LIỄU ĐẠT ĐƯỢC TÂM VÀ CẢNH GIỚI THÌ VỌNG TƯỚNG CHẴNG SINH:

Hỏi: Không liễu đạt được tâm và cảnh thì khởi hai món vọng tưởng. Nay còn Phật để niệm, còn tâm khởi niệm, đó chẳng phải là hai món vọng tưởng hay sao?

Đáp: Kinh Lăng Già nói: “Liễu đạt được tâm và cảnh giới thì vọng tưởng chẳng sinh.” Tâm nếu không sinh thì sẽ lia được các món năng tưởng và sở tưởng.

Chúng ta nay niệm các tướng như chữ Vạn, mắt xanh bạch hào đều là nơi tâm, không Phật nào có thể được. Duyên đã không có làm sao tâm có được? Thế thì niệm của năng tưởng và Phật của sở tưởng đều tự xa lìa, làm sao nói trụ nơi hai món vọng tưởng được. Chỗ các bậc Thánh xưa truyền thọ cho nhau, chính là cái ngõ vọng tưởng vô tánh này vậy.

Lại như quán thật tướng của Phật và quán thân ta cũng đều như nhau, thì đối cảnh đều là chân, không tâm nào chẳng là Phật, lý của trung đạo biến khắp tất cả, như thế còn tự nơi Phật của sở duyên hay sao?

Lại giải rằng: Như trên mũi có đốm mực, khi soi vào gương, người không thích đốm mực, nhưng lại đi lau mặt gương, thì có thể tẩy được đốm mực sao? Người còn mang tâm niệm ưa, ghét, đúng, sai khi tiếp xúc với trần cảnh, không rõ tự tâm của mình, lại cứ đi oán trách trần cảnh, như thế có được hay không? Đâu bằng ta cứ cố tẩy sạch đốm mực phân biệt, thì tấm gương sẽ tròn sạch, vạn cảnh đều toàn chân, thấy đá đồng ngọc báu, chúng sinh đồng là Phật.

Cho nên trong Tục Cao Tăng truyện nói: “Triều đại nhà Tề có cư sĩ họ Hương gửi thư đến hỏi thiền sư Huệ Khả rằng: Bóng là do từ hình mà khởi, tiếng là do từ âm thanh mà có. Đùa với bóng làm một hình, không biết hình là gốc của bóng. Phát ra tiếng để ngăn âm vang, không biết âm vang là cội rễ của tiếng. Diệt trừ phiền não mà cầu Niết-bàn giống như trốn hình mà đi tìm bóng. Lìa chúng sinh mà đi tìm cầu Phật tánh thì chẳng khác nào im tiếng mà tìm âm vang. Nên biết mê và ngộ là chỉ một đường, ngu và trí không sai khác. Vốn không có tên mà lại đặt tên, thì nhân tên đó mà thị phi sinh khởi. Vốn không có lý mà lại lập lý, thì lý do đó mà sự tranh luận nổ ra. Vốn huyền hóa chẳng phải là chân, thử hỏi ai đúng ai sai. Đã hư vọng không thật thì đâu là không, đâu là có. Huống nữa, đã từng biết được vốn không có chỗ được, mất không có chỗ mất. Vì xưa nay không có dịp cùng Ngài luận bàn, nay muốn bày tỏ vài ý, mong ngài lượng tình mà hồi âm.”

Thiền sư Huệ Khả bèn viết thư trả lời: “Những lời nói của cư sĩ về chân pháp ấy đều là đúng, khế hợp với chỗ sâu xa, lý rất ráo. Chẳng khác gì người xưa kia vì mê mờ đem ma ni cho là ngói gạch, nay nhận ra đó là trân châu. Cũng thế, vô minh và trí tuệ vốn không sai khác. Nên biết vạn pháp vốn là như như. Nay cư sĩ phá hai kiến, bỏ văn mượn ý, viết thư gửi đến. Cư sĩ đã quán rõ thân mình và Phật đều không sai khác, thì cần gì đi tìm cái vô dư nào khác.”

Hai vị Đại sĩ này, nương nơi hai pháp của Đạt-ma đại sư, theo lý quán mà dụng tâm, đều là niệm Trung đạo đệ nhất nghĩa đế pháp thân Phật. Chẳng cần lìa niệm mà giữ nơi vô niệm, lìa sinh mà lập nơi vô sinh. Nếu cho lìa ra ngoài để riêng lập, tức chẳng rõ được lý phiền não tức Bồ-đề, chúng sinh tức là Phật, làm sao ngộ được gạch ngói là trân châu. Đã không thể lìa thì niệm Phật là chân vô niệm, vãng sinh là thật

vô sinh. Xét như thế thì nghĩa lý này đã sáng tỏ, như trời thu mây tạnh, như trăng sáng thoát mây, há lại đồng với kẻ ngu chỉ nhìn ngón tay mà chẳng nhìn mặt trăng.

17. CẦU GIẢI THOÁT VÀ CHƯ PHẬT Ở TRONG TÂM HÀNH:

Hỏi: Lý niệm Phật vốn là vô niệm, vắng sinh thật là vô sinh, điều này tôi đã tin. Còn kinh Duy-ma dạy: “Đối với chư Phật và pháp giải thoát, nên cầu ở chỗ nào? Nên ở trong tâm hành của tất cả chúng sinh mà cầu. Sao ở đây không cầu Phật nơi tự tâm mà cầu ở Phật bên ngoài?”

Đáp: Ông cho rằng pháp niệm Phật vô thượng diệu thiện, chẳng phải là cầu ở trong tâm, điều này không đúng. Nay tôi sẽ vì ông mà giải thích điều này.

Xét tâm khởi ra hành, hành động nơi ba cảnh sau:

1. Hành thiện cảnh, là pháp Niệm Phật Tam-muội, là cảnh thiện trong các cảnh thiện, là cảnh trời trong các trời.

2. Hành bất thiện cảnh, nghĩa là các phiền não tham, sân, si, các cảnh giới ác.

3. Hành vô ký, nghĩa là tâm không an trụ, thiện hay ác đều không duyên.

Nếu luận về lý tánh, thì biến khắp ba cảnh đó. Còn chỉ nói thuận với lý, thì chỉ giữ cảnh thiện. Kinh nói: “Đắm trước vào ngã là uế, không đắm trước ngã là tịnh” nghĩa là không rõ được bản thể của pháp tánh vốn là không xan tham, trái với pháp tánh mà không hành bố thí, ở nơi bố thí trụ ở bố thí, thì không thể xả bỏ bố thí, đó chẳng phải uế là gì. Nếu có thể rõ được pháp tánh, tùy thuận thực hành sáu pháp Ba-la-mật, không có tướng xan tham và bố thí, khéo tùy thuận nơi lý, thì chẳng phải thanh tịnh là gì?

Về bất thiện và vô ký, do chúng trái với pháp tánh nên không cùng thiện chung hợp. Do đó Thắng Thiên Vương hỏi Phật: “Làm sao Bồ-tát thông đạt Thiên Ba-la-mật?” Phật bảo Thiên Vương: “Vị Bồ-tát Ma ha tát học Bát-nhã ba-la-mật hành Thiên Ba-la-mật nên quán tâm này nơi cảnh nào, cảnh giới thiện, bất thiện hay vô ký. Nếu vị Bồ-tát đó hành thiện nơi cõi thiện, thì siêng năng tu tập, ví như hoa sen không dính một giọt nước nào. Do vậy, dù chỉ một pháp bất thiện, Bồ-tát cũng không được tạm thời trụ nơi đó.”

Căn cứ theo lời Phật dạy thì chẳng có pháp bất thiện và vô ký nào mà chẳng từ bỏ. Thế là tâm thuận lý thiện hành nơi cảnh thiện, tức khắc

niệm Phật và cảnh giải thoát đều ở trong tâm hành cả. Nếu cho rằng tâm hành niệm Phật chẳng phải là giải thoát, thì hai thứ tâm hành bất thiện và vô ký là giải thoát sao? Nên biết chỗ giải thoát này mê muội thì vướng mắc nơi đại họa, còn đại ngộ thì chứng đắc như trở bàn tay.

Tu tập thiền định thì nên rõ cảnh ấy, rõ đây tại đây. Đức Như Lai Thế hùng xét các môn định, đã dạy rằng: Pháp Niệm Phật Tam-muội là vua trong các môn định. Bởi vì các Tam-muội khác còn có đối đãi, nên chỉ là định của kẻ bình thường mà thôi.

Những Pháp bảo vương Tam-muội này chẳng trụ ở tướng tôn quý, chẳng trụ ở tướng thấp hèn, tướng tà, tướng chánh, tướng Niết-bàn, tướng sinh tử, tướng phiền não, tướng Bồ-đề, tướng tịnh, tướng loạn, tướng thành chánh giác, tướng độ chúng sinh, tướng ngồi đạo tràng, tướng vô sở đắc, với các tướng như thế, hết thảy đều không an trụ. Giống như người tỉnh mộng, rỗng rang không có đến và đi. Cho nên trong Đại Phẩm nói: “Không đến không đi là Phật, do như vậy mà pháp trung đạo còn buông, hướng gì lại còn trụ chấp nơi nhị biên hay sao?” Lại như bài kệ trong kinh Chư Pháp Vô Hành nói:

*Ví như người đang ở trong mộng
Thấy chứng Phật đạo độ chúng sinh
Đạo vốn không thật, không chúng sinh
Thể tánh Phật pháp cũng như vậy
Ngồi đạo tràng chứng Vô sở đắc
Nếu không có đắc thì chẳng có gì
Minh và vô minh đồng một tướng
Biết rõ như thế là Thế Tôn
Tánh chúng sinh chính là Bồ-đề
Tánh Bồ-đề cũng chính là chúng sinh
Chúng sinh Bồ-đề vốn không hai
Biết rõ như vậy là Thế Tôn.*

18. ĐEM BA NGHIỆP CỨNG DƯỠNG MỚI THẬT LÀ BIỂU LỘ CUNG KÍNH:

Hỏi: Về pháp quán Tam-muội, tôi đã nghe rõ. Còn việc đem ba nghiệp cúng dường sau khi Phật diệt độ, làm sao được nhiều phước đức?

Đáp: Luận về biển pháp cúng dường, trong vạn kinh làm cho ba nghiệp thanh tịnh gọi là cúng dường, há duyên nghĩ chân cảnh mà chẳng cúng dường sao?

Sách Lý thú nói: “Quán tất cả các pháp hoặc thường hoặc vô thường đều là bất khả đắc, rồi ở nơi các Như Lai rộng thiết lễ cúng

dường.” Như thế chẳng rõ ràng sao?

Lại, Đức Như Lai khi còn tại thế, để tỏ lòng thành kính cúng dường, đều đem hương hoa nhiều như biển cả, đầy khắp các cõi vi trần dâng cúng dường chư Phật vẫn còn thấy ít. Vì Bồ-tát cho dù nhập vào pháp quán, dùng sức tư tưởng xem núi Tu-di như là cột đèn, xem biển lớn như là bình dầu, để cúng dường cũng chưa cho là thật cung kính. Cho nên các Ngài thường đốt tay kim sắc, dâng tháp minh tinh, đốt thân vàng cháy rực khắp cả mười phương, như sự đốt thân cúng dường của Bồ-tát Đại Kiến là một minh chứng.

Con người ngày nay chỉ đem tự tâm cúng dường, hoặc cúng dường như đứng ở xa chỉ hoa trên cây, là trái với lễ nghi phụng hiến, thật là thất lễ. Nay ông hỏi sau khi Phật diệt độ, cúng dường như thế nào để đạt được nhiều phước đức. Tôi sẽ vì ông biện giải điều này.

Vả lại như Đinh lan chạm gỗ trong nhà, ngày đêm dâng cúng xem như cha mẹ đang sống, danh thơm lưu sử. Con người như thế được gọi là người chí hiếu. Nếu Đức Như Lai lúc còn tại thế, thân đẹp như núi vàng rực rỡ, nghiêm tướng oai nghi, ai thấy Ngài mà không phát đạo tâm, muốn dâng hoa đánh lễ, lúc đó muốn cúng dường thì khó khăn gì. Gặp lúc Phật diệt độ như trăng khuất trong núi, không thể phụng đối chân nghi của Ngài, chỉ biết qua kinh điển. Đối với hình tượng của Ngài, chúng ta phát tâm vô thượng bằng cách đem hoa dâng cúng. Với cách cúng dường như thế, thật đáng tán thán. Làm được như thế, thật không khó lắm.

Kinh Niết-bàn nói: “Cho đến dâng cúng Phật một đóa hoa, quyết được sinh nước Bất động.” Thế với việc một cây hương một đóa hoa, một ngọn đèn, một lời nhạc cho đến đồ ăn thức uống, đều chí thành dâng lên cúng dường ba đời chư Phật, đó là diệu nhân để sinh về cảnh giới Tịnh độ, là cội nguồn để chứng đắc Thánh quả. Sao lại dám khinh thường các hạnh cúng dường đó, mà chẳng đáng tôn kính hay sao?

Nếu người nào lìa hạnh cúng dường này, nghe theo những lời dạy không cung kính cúng dường hoa tâm, đốt đèn tâm, xông hương tâm, lễ Phật tâm mà muốn cầu quả vị chánh giác, thì khác nào chạy theo các loài khỉ vượn, giữ lấy cái ngóng trông đến rừng mai giả tưởng.

Nếu bảo họ mặc áo tâm, ăn cơm tâm thì họ chẳng nghe. Cho đến lục độ vạn hạnh lại bày đặt cái tâm thấy biết rõng tuếch. Nhờ chỉ vẻ tâm mà lại bảo ngó hư không, không thể nào chấp nhận được.

Trong pháp môn Chân ngôn Du-già quán hạnh cũng y theo sự môn, biểu lộ bằng hình tượng mà không chỉ một mặt xét về tâm, sáu

thời thường dâng hương hoa cúng dường Tam bảo mà không thiếu sót.

19. VÔ TƯỚNG CÚNG DƯỜNG, TIN HAY HỦY BẢNG ĐỀU CHIÊU CẢM QUẢ BÁO:

Hỏi: Dâng hoa là sự, còn lý ở đâu? Tin tưởng hay hủy báng thì chiêu cảm quả báo như thế nào?

Đáp: Hoa cúng tức là lý, sắc tức là không. Về quả báo của lòng tin, trong kinh Bi Hoa có nói: “Xưa có Vương tử tên Vô Sở Úy, tay cầm bông sen thành kính dâng lên cúng dường Phật Bảo Tạng, Phật dạy: “Ông lấy hoa sen hợp với hư không dâng lên cúng dường ta, nay ta đặt tên cho ông là Hư Không Ấn. Nhờ công đức cúng dường này, tương lai ông sẽ thành Phật, thế giới tên Liên Hoa, Phật hiệu là Liên Hoa Tôn, đó chính là ông vậy.” Thế giới và Phật đều y theo công đức ngày xưa công tử dâng hoa cúng Phật mà được hiệu đó. Điều này cho chúng ta thấy rõ được ý nghĩa gây nhân tất được quả báo. Vậy tại sao lại ngăn cản việc dùng hoa để thực hiện hạnh Bồ thí ba-la-mật, mà muốn riêng theo tướng vô tướng.

Kinh Đại Phương Quảng Tổng Trì nói: “Xưa có vị Tỳ-kheo tên Tịnh Mạng, an trú nơi chánh kiến, đem hoa dâng cúng Phật. Bấy giờ có một vị Tỳ-kheo tên Pháp Hành, vị này an trú nơi tà kiến, đã chứng đắc Tứ thiên, thường giảng thuyết pháp Bát-nhã Không tông tối thắng.” Tỳ-kheo Pháp Hành chê bai pháp sư của Tịnh Mạng rằng: “Ông Tịnh Mạng nhận hoa của người khác chẳng phải để cúng dường, mà để tự thọ dụng.” Tỳ-kheo Pháp Hành chỉ một lời nói bài bác đó, mà bị quả báo sáu muôn kiếp liên tiếp, không có thiệt căn, cho đến khi thành Phật, phải trụ nơi cõi ngũ trước, người đó nay là ai? Chính là Phật Thích-ca Ta vậy. Phật lại dạy: Người ít học, trong giáo pháp của ta lại khởi sinh hai thuyết, sau khi mạng chung, người đó sẽ đọa địa ngục, nhiều đến trăm ngàn kiếp. Nếu lấy mắt ác khinh người phát tâm Bồ-đề, sẽ bị quả báo đui mù, miệng ác chửi mắng người phát tâm Bồ-đề, sẽ bị quả báo câm ngọng. nếu cho rằng chỉ cần tu một môn Bát-nhã ba-la-mật là đắc đạo Bồ-tát, thì xưa kia vua Ca-thi-va khi làm Bồ-tát tu hạnh xả thân, đầu mặt tủy não cũng không có trí tuệ hay sao?

Do đó nên biết, sáu pháp Ba-la-mật cần tu đầy đủ. Nếu chỉ chấp vào một pháp rồi bỏ các pháp khác, đó là nghiệp ma. Làm sao bỏ pháp Ba-la-mật dâng hoa cúng dường mà chấp ác thủ Không, riêng giữ pháp Bát-nhã chân vô tướng đối trá hay sao. Quả báo không lười không thể không do lỗi này. Như Lai do vậy mà Ngài tự dẫn việc lỗi lầm của Ngài ngày xưa, muốn cho chúng sinh đừng đi theo vết đổ cũ của Ngài. Một

bông hoa còn như thế thì tất cả đất đá, cỏ cây, hình tướng, kinh điển, Tăng ni trụ trì, Tam bảo, giới, định, tuệ... không luận phước điền hay phi phước điền đều đáng cung kính.

Tất cả đều thể nhập vào trong pháp giới ba nghiệp chân thật cúng dường, có gì mà không được, thế mà lại muốn lược bỏ bớt. Bài kệ trong kinh Pháp Hoa nói:

*Nếu người vào tháp miếu
Tượng báu hay tượng vẽ
Lấy hoa hương phan lọng
Thành kính mà cúng dường
Cho đến một lời khen
Đã đều thành Phật đạo.*

20. VẠN THIỆN CHUNG QUY ĐỀU THÀNH TAM MUỘI:

Hỏi: Luận về công việc cúng đèn, đèn sáng mãi mà được sinh về cõi Nhật Nguyệt. Như thế, hoa, hương, phan lọng so với đèn không khác, thấy đều được phước báo sinh về cõi trời, mà đây lại nói đều thành Phật đạo. Sao ngài lại đi nói quá lời như thế?

Đáp: Ví như nhà vua khi đi chơi có muôn ngàn binh lính, quân lính đi theo đều mang phù hiệu lính ngự. Ai xúc phạm đến lính này thì bị xử chết ngay tại chỗ. Khi xe đã về cung, quân lính giải tán về quê làm ruộng. Nếu họ còn xưng là lính ngự thì cũng chết ngay tại đó. Binh lính đi theo trước sau thì đồng, nhưng sống chết thì có sai khác. Bởi vì chỗ duyên khởi có khác, mà quân lính có lúc vẻ vang có lúc nhục nhã.

Cũng thế với hoa, lọng, hương, đèn đem dâng cúng Phật, nếu chẳng gặp Pháp Hoa Kinh vương cho làm kẻ dưới tướng, thì được quả báo sinh thiên cung. Nếu gặp được Tam-muội bảo vương thì cũng được theo hầu, dầu chỉ đem theo một bông hoa dâng cúng cũng thành tựu Phật đạo. Đây là hạt giống Phật nương theo duyên mà khởi, lý dạy rõ ràng. Cũng giống như chim đậu núi Tu-di, lông nó đều có cùng một màu với núi. Sông đổ ra biển cả, không cùng biển cả khác tên.

Cho nên trong kinh Đại Bảo Tích, trong pháp hội Phổ môn, Văn-thù đã hiểu thiên long, bát bộ, địa ngục, súc sinh, sắc, thanh, hương, vị... tất cả vạn pháp đều là Tam-muội, cũng giống như chiếc lông chứa trọn biển lớn, hạt cải trâu cả núi Tu-di. Chẳng phải sợi lông hạt cải có thần biến, mà bởi vì cải hóa hiện tượng mà thôi.

Nên rõ hiểu biết là nhờ nơi mắt, đi đứng là nhờ nơi chân, hiểu đúng là làm đúng, hiểu sai là làm sai, mà Phật sâu cạn, đều căn cứ vào sự hiểu biết. Vậy kinh Niết-bàn nói: “Bỏ sự chậm lụt, không gọi là

chậm lụt. Xe đi chậm thì gọi là chậm.” Xe là dụ cho tuệ giải thoát. Một hạnh đã như vậy thì muôn hạnh cũng như thế.

Pháp hoa Tam-muội tức là niệm Phật Tam-muội. Vì thế, đức Như Lai gọi thẳng định đó là Tam-muội bảo vương, là Quang minh tạng, là ngọc chiếu trừ tội, là đèn phá tà kiến, là người hưởng lộ trong nẻo mê, là kim ấn của vương tử, là kho báu của kẻ nghèo, là không Tam-muội, là Thánh Tam-muội, là Đà-la-ni, là chân tư duy, là tối thắng quán, là như ý châu, là Phật tánh, là Pháp tánh, là Tăng tánh, là Vô tận tạng, là Thắng phương tiện, là ánh sáng đại trí, là quán tiêu ác Tam-muội... Cho nên, biết tất cả các pháp như giáo, lý, hạnh, quả, tám vạn bốn ngàn pháp Ba-la-mật đều là tên gọi khác của pháp Niệm Phật Tam-muội. Xét như thế, cúng một bông hoa là là phụng hiến khắp cùng ba đời vi trần cõi Phật. Niệm một vị Phật là thông đạt thể tánh với chư Phật vị lai. Như đất bằng là đích thì bất cứ mũi tên nào bắn mà không trúng. Bằng chẳng phải như thế, thì trái với tông chỉ của kinh Tư Ích, chê trách rằng sợ là không, buông là không đi là không, tìm cầu là không.

Khách hỏi: Thầy thuốc đã đi còn để lại thuốc, kẻ đi buôn gửi lại vàng, chỗ ẩn tàng của các bậc tiền hiền, chẳng đúng người thì cũng không thể rõ. Đệ tử do tối đạo dốt học, xưa nay luôn trộm nhìn vào cửa Tam-muội, vì mong có ngày chứng được quả vị vô sinh, nên thường cầu được một lời dạy bảo chân thật, như ấn báu của pháp, ngõ hầu đạt đến chỗ động tịch song chiếu, lý sự viên dung, khởi tâm mà vẫn trường tồn bất hoại, xưng Nam-mô ngay đó đều thành Phật đạo, tán hoa trong tích tấc, liền thẳng tiến thành đạo Bồ-đề, như kính vua thì mình còn tôn quý, mắt kéo mây mờ mà bỏ được đèn che... Hai mươi nghĩa này, tôi xưa nay chưa từng được nghe. nay nương nhờ đây bỏ được lỗi khinh thường chúng sinh, đến được cõi Ưu du bảo trang nghiêm, thật là may mắn. Nguyên không đổi thân này, được thọ ký thành Phật, ngộ chư Phật đương lai là chúng sinh, rồi cúi đầu cung kính lễ tháp Đa bảo, cung đối liên hoa tăng, cùng tôi quán khắp mười phương chư Phật, tròn niệm đủ ba đời chư Phật, lại xin quỳ gối chấp tay mà nói bài kệ rằng:

*Một lòng nhớ nghĩ Phật quá khứ
Cũng nhớ các Thế Tôn vị lai
Và Phật hiện tại giữa mọi người
Không có một Phật trong quá khứ
Cũng không hiện tại và vị lai
Đây là thanh tịnh vi diệu thiên
Không thể nói được, chúng thì rõ.*